

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU NĂNG ĐỘNG BẢO VIỆT

(Baoviet Equity Dynamic Open-ended Fund)



I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	2
1.1	Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt.....	2
1.2	Ngân hàng Giám sát	2
II.	CÁC THUẬT NGỮ / ĐỊNH NGHĨA.....	2
III.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ	5
3.1	Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam.....	5
3.2	Cơ hội đầu tư tại Việt Nam.....	7
IV.	THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	12
4.1	Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ.....	12
4.1.1	Thông tin cơ bản	12
4.1.2	Giới thiệu về pháp nhân sở hữu Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt.....	13
4.1.3	Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt...	13
4.1.4	Giới thiệu về nhân sự chủ chốt Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt.....	14
4.2	Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt.....	14
4.3	Các quỹ do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đang quản lý.....	15
4.3.1	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVF1).....	15
V.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	16
VI.	CÔNG TY KIỂM TOÁN	16
VII.	ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	16
VIII.	TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN.....	17
IX.	CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ	17
9.1	Thông tin chung về Quỹ	17
9.1.1	Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ.....	17
9.1.2	Giấy đăng ký phát hành: Số 50/GCN-UBCK ngày 07/10/2013 Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng.....	17
9.1.3	Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ: Số 08/GCN-UBCK ngày 08/01/2014.....	18
9.1.4	Mục tiêu đầu tư.....	18
9.1.5	Ban Đại diện Quỹ	18
9.1.6	Người điều hành Quỹ.....	19
9.2	Điều lệ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu	20
9.2.1	Các điều khoản chung.....	20

9.2.1.1	Tên và địa chỉ liên hệ	20
9.2.1.2	Thời hạn hoạt động của Quỹ:.....	20
9.2.1.3	Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	20
9.2.1.4	Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán	21
9.2.1.5	Đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ.....	21
9.2.1.6	Công ty Quản lý Quỹ	21
9.2.1.7	Ngân hàng Giám sát	22
9.2.2	Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế.....	22
9.2.2.1	Mục tiêu đầu tư.....	22
9.2.2.2	Chiến lược đầu tư	22
9.2.2.3	Các hạn chế đầu tư.....	24
9.2.2.4	Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ.....	25
9.2.2.5	Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng.....	25
9.2.3	Đặc trưng của Chứng chỉ Quỹ đầu tư.....	26
9.2.3.1	Nhà đầu tư.....	26
9.2.3.2	Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư	27
9.2.3.3	Sổ đăng ký sở hữu Chứng chỉ Quỹ.....	27
9.2.3.4	Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư	28
9.2.3.5	Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể Quỹ và quyền của Nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể Quỹ.....	28
9.2.4	Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.....	29
9.2.4.1	Thời gian và địa điểm.....	29
9.2.4.2	Quy trình nhận lệnh mua.....	30
9.2.4.3	Quy trình nhận lệnh bán.....	31
9.2.4.4	Hủy lệnh giao dịch.....	33
9.2.4.5	Hoàn trả tiền.....	33
9.2.4.6	Các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch.....	33
9.2.4.7	Chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ.....	35
9.2.4.8	Thực hiện các chuyển nhượng phi thương mại.....	35
9.2.5	Thông tin về các mức phí mà Quỹ phải trả	36

9.2.5.1	Phí Quản lý Quỹ	36
9.2.5.2	Phí Lưu ký, Phí Giám sát quỹ, Phí Quản trị quỹ, Phí Đại lý chuyển nhượng	36
9.2.5.3	Chi phí khác.....	37
9.2.6	Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế	37
9.2.7	Đại hội Nhà đầu tư	37
9.2.7.1	Đại hội Nhà đầu tư thường niên, bất thường.....	37
9.2.7.2	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư	38
9.2.7.3	Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư	39
9.2.7.4	Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư	39
9.2.8	Ban Đại diện Quỹ	40
9.2.8.1	Tổ chức Ban Đại diện Quỹ	40
9.2.8.2	Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ.....	40
9.2.8.3	Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ	41
9.2.8.4	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	42
9.2.8.5	Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ	42
9.2.8.6	Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ.....	42
9.2.8.7	Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ.....	43
9.2.9	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ	43
9.2.9.1	Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ	43
9.2.9.2	Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý Quỹ	43
9.2.9.3	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ	45
9.2.9.4	Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.....	45
9.2.10	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát.....	46
9.2.10.1	Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát	46
9.2.10.2	Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Giám sát.....	46
9.2.10.3	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng Giám sát	47
9.2.11	Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo	47
9.2.11.1	Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán	47
9.2.11.2	Năm tài chính	48
9.2.11.3	Chế độ kế toán	48

9.2.11.4	Báo cáo tài chính.....	48
9.2.11.5	Báo cáo khác.....	48
9.3	Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	48
9.3.1	Rủi ro thị trường	48
9.3.2	Rủi ro lạm phát	48
9.3.3	Rủi ro thiếu tính thanh khoản	49
9.3.4	Rủi ro pháp lý	49
9.3.5	Rủi ro tín dụng.....	49
9.3.6	Rủi ro xung đột lợi ích	49
9.3.7	Rủi ro hoạt động.....	49
9.3.8	Rủi ro chiến lược đầu tư	49
X.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO.....	50
XI.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....	55
XII.	XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	56
XIII.	CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	56
13.1	Cung cấp tài liệu, thông tin cho Nhà đầu tư.....	56
13.2	Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin	57
XIV.	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ	57
XV.	CAM KẾT	58
	Phụ lục 1. Phí lưu ký giám sát và Phí trả cho dịch vụ ủy quyền.....	59
	Phụ lục 2. Hướng dẫn thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ BVFED	61
	Phụ lục 3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ BVFED	66
	Phụ lục 4. Danh sách Đại lý phân phối và địa điểm giao dịch Chứng chỉ quỹ.....	69

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành Chứng chỉ Quỹ cho các Nhà đầu tư chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành Chứng chỉ Quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH QUỸ MỞ

1. Tên của Quỹ: **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt**
2. Số giấy phép: **50/GCN-UBCK**
3. Loại hình Quỹ: **Quỹ mở**
4. Ngày đăng ký với UBCKNN: **10/08/2016**
5. Thời hạn hiệu lực: **25/08/2016**

6. Thông cáo nội dung sau:

“Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10 tháng 08 năm 2016”.

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin.

- Họ và tên: **Đậu Minh Lâm**
- Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
- Địa chỉ: **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (Viết tắt: BVF)**

Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-04) 3928 9589 Fax: (84-04) 3928 9590

8. Nơi cung cấp Bản cáo bạch:

- **Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt**
 - o Trụ sở chính: **Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội**
 - o Điện thoại: **(84-04) 3928 9589 Fax: (84-04) 3928 9590**
 - o Website: **<http://www.baoviet.com.vn/fund>**
- **Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này**

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1.1 Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Ông Đậu Minh Lâm Chức vụ: Tổng giám đốc
- Bà Nguyễn Phương Anh Chức vụ: Giám đốc Phát triển kinh doanh

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu được nêu trong Bản cáo bạch là chính xác, phù hợp với các thực tế, dự kiến mà chúng tôi thu thập nghiên cứu.

1.2 Ngân hàng Giám sát

- Đại diện theo pháp luật: Ông Sumit Dutta
- Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng HSBC. Theo quy định của pháp luật hiện hành và những thỏa thuận trong Hợp đồng Cung cấp Dịch vụ Lưu ký và Giám sát và Hợp đồng Cung cấp Dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng, Ngân hàng Giám sát (*đồng thời là Đại lý Chuyển nhượng*) chỉ xác nhận những thông tin có liên quan đến Ngân hàng Giám sát và Đại lý Chuyển nhượng, trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát và Đại lý Chuyển nhượng được đề cập trong Bản Cáo bạch này, các thông tin còn lại không nằm trong phạm vi xác nhận của Ngân hàng giám sát/Đại lý Chuyển nhượng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin và dữ liệu chúng tôi có được và căn cứ trên Bản Cáo bạch mẫu do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động quỹ mở.

II. CÁC THUẬT NGỮ / ĐỊNH NGHĨA

- “Quỹ” Là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (*BVFED*), hoạt động theo cơ chế quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 (*sau đây gọi là Luật số 70*) và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011 (*sau đây gọi là Luật số 62*), các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ.
- “Công ty Quản lý Quỹ” Có nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (*BVF*) được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ ban hành ngày 08/11/2005 và điều chỉnh bổ sung tại

Quyết định số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14/12/2007, Quyết định số 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2012, Quyết định số 08/GPĐC-UBCK ngày 22/04/2015 và Quyết định số 27/GPĐC-UBCK ngày 22/09/2015 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) hoặc bất kỳ công ty quản lý quỹ nào khác được lựa chọn thay thế. Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt được ủy thác để quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

"Ngân hàng Giám sát"	Là Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (sau đây gọi HSBC), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/9/2008, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng giám sát.
"Công ty kiểm toán"	Có nghĩa là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư quyết định hàng năm theo Điều lệ Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan.
"Đại lý phân phối"	Có nghĩa là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ mở theo quy định của pháp luật. Hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Đại lý phân phối được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.
"Điều lệ Quỹ"	Là Điều lệ của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có), đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
"Người có liên quan"	Là khái niệm "Người có liên quan" được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật số 70.
"Bản cáo bạch"	Là văn bản này và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Hợp đồng giám sát"	Là Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ/đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ

“Đại hội Nhà đầu tư”	Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban Đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
“Vốn Điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
“Đơn vị Quỹ”	Là vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ đầu tư ”	Là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành (<i>sau đây gọi là Chứng chỉ</i>), dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư đó đang sở hữu.
“Hạng mục đầu tư lớn của Quỹ”	Là hạng mục đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% (năm phần trăm) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quỹ trừ trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (<i>trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng</i>); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm phí phát hành.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi phí mua lại Chứng chỉ Quỹ.
“Phí quản lý quỹ”	Là phí phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Phí phát hành/phí mua lại”	Là phí mà Nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Phí phát hành/phí mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua hợp lệ/giá trị giao dịch thành công được công bố tại Bản Cáo bạch.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu

của Nhà đầu tư.

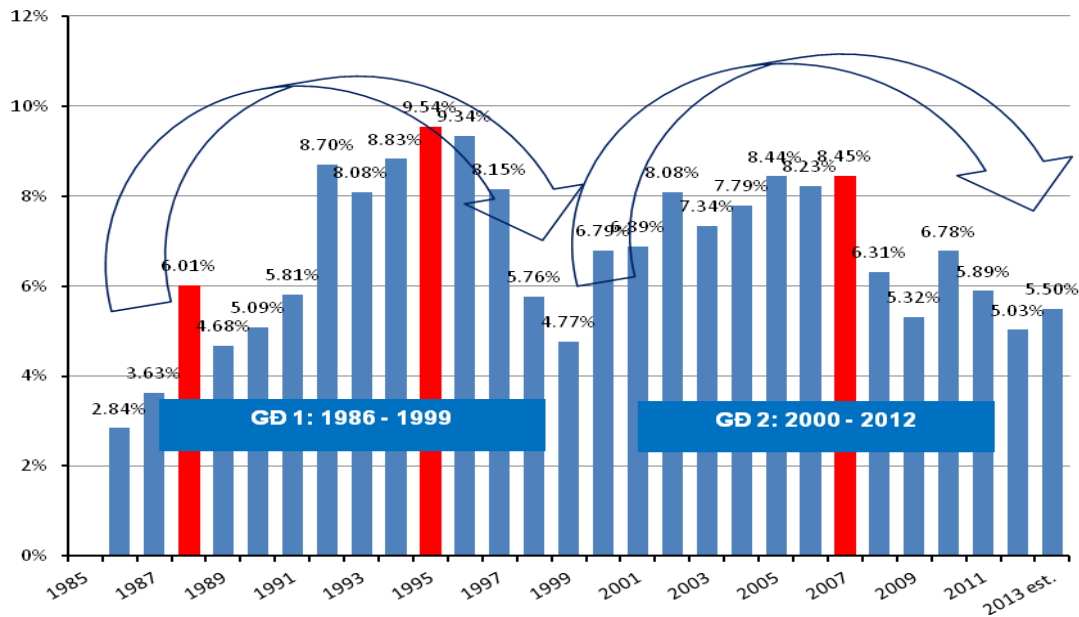
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quý sẽ được tính từ ngày Quý được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của Quý”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quý sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quý tại ngày trước ngày định giá.
“Ngày”	Là ngày làm việc dương lịch, trừ các ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật Việt Nam
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quý theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
“Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ”	Là ngày định giá mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quý, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ (Ngày T).
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch.
“Chỉ số VN30”	Là chỉ số được xây dựng trên cơ sở 30 cổ phiếu niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 04/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05/01/2012 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số VN30.
“Rổ cổ phiếu VN30”	Là danh mục cổ phiếu đầu tư vào các cổ phiếu cấu tạo nên chỉ số VN30 với mục đích mô phỏng vận động của chỉ số VN30.
“Luật Chứng khoán”	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2007 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011.
“UBCKNN”	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

3.1 Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Kể từ khi chuyển sang nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa hoạt động theo cơ chế thị trường vào năm 1986, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua hai chu kỳ phát triển lớn đó là Giai đoạn 1986 – 1999 với động lực là quá trình “Đổi mới” và Giai đoạn 2000 – 2011 với động lực là quá trình “Mở cửa và hội nhập”.

GDP tăng trưởng hàng năm



Nguồn: Reuter

Quá trình “Mở cửa và hội nhập” một mặt cho phép Việt Nam tiếp cận được với những tri thức từ các nước phát triển nhưng một mặt cũng khiến nền kinh tế phải hứng chịu những tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới trong giai đoạn 2008 - 2011. Trong những năm 2010 – 2011, kinh tế Việt Nam đã trải qua một giai đoạn khó khăn với tăng trưởng thấp và lạm phát cao.

Trước thực trạng kinh tế vĩ mô có những diễn biến không thuận lợi, từ cuối năm 2011, Chính phủ đã triển khai chính sách tái cơ cấu nền kinh tế với trọng tâm tập trung trong các lĩnh vực như đầu tư công, hệ thống doanh nghiệp nhà nước và thị trường tài chính, trong giai đoạn đầu của quá trình tái cơ cấu, nền kinh tế đã đạt được một số thành tựu đáng chú ý như sau:

- Sức cầu nội địa đã bù đắp được cho sự sụt giảm của xuất khẩu và đầu tư. Trong giai đoạn 2000 – 2006 tốc độ tăng tiêu dùng nội địa bình quân thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng GDP. Tuy nhiên khi bước vào giai đoạn suy giảm của chu kỳ kinh tế từ 2008 trở đi, tiêu dùng nội địa đã trở thành nguồn bù đắp cho sự sụt giảm của xuất khẩu và đầu tư tài sản cố định. Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục khó khăn kéo dài, thị trường tiêu thụ trong nước sẽ tiếp tục là động lực duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức trên 5%/năm.
- Chính sách kiềm chế lạm phát của Chính phủ đã đi đúng hướng. Lạm phát dự kiến sẽ được kiềm chế ở mức một con số. Ngay trong năm 2011, Chính phủ đã kịp thời có những chính sách quyết liệt nhằm ổn định nền kinh tế. Sau hơn 1 năm thực hiện Nghị quyết 11, chỉ số lạm phát theo từng tháng đã giảm liên tiếp. Kết thúc năm 2012, chỉ số CPI chỉ còn tăng 9,21% so với năm 2011. Dự báo chỉ số CPI trong giai đoạn 2012 - 2015 sẽ trở về mức bình quân trong giai đoạn 2000 – 2006 tức là chỉ tăng “1 con số” so với năm trước.

- Xuất khẩu đã đạt được những kết quả ấn tượng trong điều kiện kinh tế toàn cầu có dấu hiệu suy giảm. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, trong những năm gần đây Việt Nam nằm trong số những nước có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao nhất ở Đông Á, thậm chí cao hơn cả Trung Quốc. Mặc dù trong năm 2012 tăng trưởng xuất khẩu có dấu hiệu chậm lại nhưng mức sụt giảm cũng thấp hơn so với các nước đang phát triển khác trong khu vực. Một điểm đáng chú ý nữa là kể từ năm 2010, với sự đầu tư của các tập đoàn lớn như Intel, Samsung, Nokia... tăng trưởng xuất khẩu mặt hàng có giá trị gia tăng cao như điện thoại, máy tính và hàng điện tử đã có những tiến bộ rõ rệt.
- Chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt, hiệu quả, dự trữ ngoại hối tăng mạnh. Tỷ giá biến động thất thường của Việt Nam là do những nguyên nhân khách quan về tương quan giá trị của đồng Việt Nam, tình trạng thâm hụt cán cân xuất nhập khẩu và lạm phát cao kéo dài. Hiện tại, NHNN đã tích cực hơn trong việc công bố thông tin về dự trữ ngoại hối cũng như trong chiến lược điều hành tỷ giá. Ngoài việc cải thiện vấn đề công bố thông tin, NHNN cũng cho thấy sự chủ động trong điều hành thị trường thông qua việc tận dụng giai đoạn thị trường ổn định vừa qua để gia tăng dự trữ ngoại tệ. Theo ước tính, dự trữ ngoại hối của NHNN đã đạt khoảng 20 tỷ USD tại thời điểm cuối năm 2012, tương đương với gần 12 tuần nhập khẩu, đạt mức an toàn theo quan điểm của tổ chức IMF.

Bảng dự kiến tăng trưởng GDP 2013

Tổ chức	GDP 2013	CPI 2013
ADB (10/2012)	5.7%	9.4%
WB (12/2012)	5.5%	8.0%
IMF (10/2012)	5.9%	6.2%
HSBC (12/2012)	5.3%	10.8%

Nguồn: ADB, WorldBank, IMF, HSBC

Năm 2013 được kỳ vọng là năm đầu tiên của một chu kỳ phát triển kinh tế với động lực là quá trình tái cơ cấu nền kinh tế. Các tổ chức quốc tế cũng có cái nhìn rất tích cực về triển vọng dài hạn của nền kinh tế Việt Nam. Điều này sẽ tạo ra nhu cầu vốn lớn để phục vụ quá trình mở rộng sản xuất và mang lại cơ hội đầu tư cho các dòng vốn dài hạn.

3.2 Cơ hội đầu tư tại Việt Nam

3.2.1 Cổ phiếu:

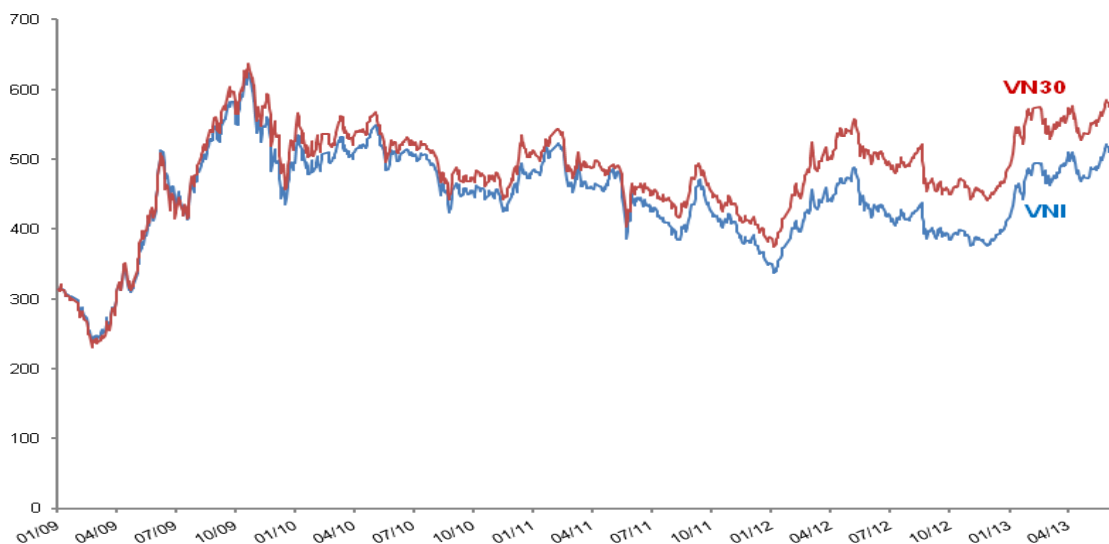
Các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại 03 sàn giao dịch là Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), Hà Nội (HNX) và UpCom. Trong số 03 sàn giao dịch chứng khoán, HSX có mức vốn hóa gấp khoảng 4 - 5 lần tổng mức vốn hóa của 02 sàn giao dịch còn lại và được xem là đại diện cho thị trường cổ phiếu Việt Nam. Các doanh nghiệp niêm yết trên HSX đa phần là các doanh nghiệp dẫn đầu trong từng ngành chủ chốt của nền kinh tế Việt Nam như tài chính ngân hàng, bất động sản, năng lượng, công

nghệ thông tin, nông lâm nghiệp, thủy sản...

Kể từ khi được thành lập, vận động hàng ngày của HSX được đo lường thông qua chỉ số VNIndex. Đối với các Nhà đầu tư Việt Nam, chỉ số VNIndex là chỉ số quen thuộc nhất và được theo dõi thường xuyên nhất. Nếu thị trường chứng khoán là hàn thử biểu của nền kinh tế thì VNIndex chính là biểu hiện cụ thể của hàn thử biểu này. Tuy nhiên, VNIndex có nhược điểm là tỷ trọng của các cổ phiếu cấu tạo nên chỉ số được tính toán trên cơ sở toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành (bao gồm các cổ phiếu có khả năng tự do chuyển nhượng và các cổ phiếu không có khả năng tự do chuyển nhượng), vì vậy, trong một số trường hợp, xu hướng vận động của thị trường sẽ không được phản ánh chính xác do ảnh hưởng từ các cổ phiếu không có khả năng tự do chuyển nhượng.

Để khắc phục nhược điểm của VNIndex và hạn chế ảnh hưởng của các cổ phiếu có mức vốn hóa quá lớn, Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh đã xây dựng bổ sung chỉ số VN30 bao gồm 30 cổ phiếu có mức vốn hóa lớn nhất trên HSX với tỷ trọng của các cổ phiếu trong rổ VN30 được xác định dựa vào tỷ lệ cổ phiếu có khả năng tự do chuyển nhượng và giới hạn tỷ trọng tối đa 10%. Xét về mức vốn hóa và giá trị giao dịch so với toàn bộ sàn giao dịch HSX, các cổ phiếu trong rổ VN30 có mức vốn hóa trung bình bằng 80% và giá trị giao dịch trung bình bằng 60%. Với cấu trúc như trên, VN30 có độ tương quan khá cao với VN Index đồng thời lại khắc phục được nhược điểm của VN Index. Cùng với chỉ số VNIndex, chỉ số VN30 cũng được xem là thước đo đại diện cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

Đồ thị diễn biến chỉ số VNI và VN30



Nguồn: UBCKNN

Sự xuất hiện của chỉ số VN30 đã tạo tiền đề cho sự ra đời của một chiến lược đầu tư mới trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo phương pháp đầu tư truyền thống, các cổ phiếu được lựa chọn thông qua việc đánh giá, phân tích về tình hình tài chính, chiến lược kinh doanh... của từng doanh nghiệp mục tiêu. Với chỉ số VN30, thay vì lựa chọn từng cổ

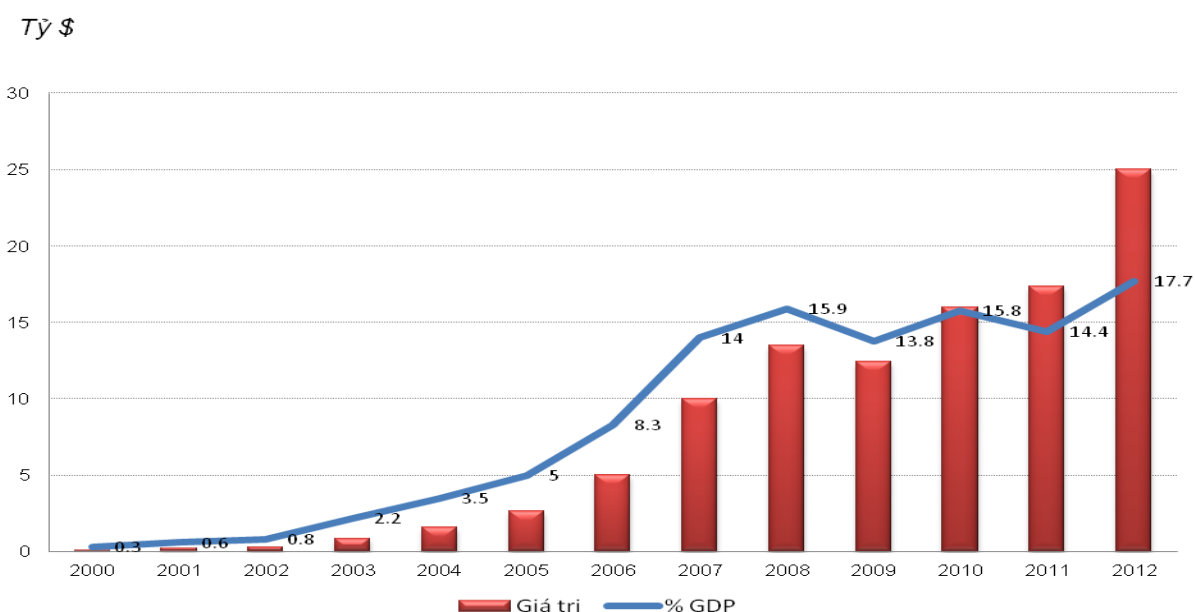
phiếu, việc đầu tư có thể được tiến hành với toàn bộ các cổ phiếu cấu tạo nên chỉ số VN30 hay Rổ cổ phiếu VN30. Do tính chất đại diện của chỉ số VN30, việc đầu tư có thể được hiểu theo nghĩa rộng là đầu tư vào thị trường cổ phiếu Việt Nam. So với phương pháp đầu tư truyền thống, chiến lược đầu tư dựa vào chỉ số VN30 có một số ưu điểm đáng kể như sau:

- Rút ngắn thời gian quyết định đầu tư do chỉ dựa trên phân tích, đánh giá về các yếu tố tác động đến thị trường cổ phiếu nói chung và cơ cấu của các cổ phiếu đầu tư đã được xác định trước;
- Giảm thiểu rủi ro đặc thù của từng cổ phiếu (*non-systematic risk*) do danh mục đầu tư cổ phiếu đã được đa dạng hóa;

3.2.2 Trái phiếu chính phủ

Theo thống kê của các tổ chức trong nước và quốc tế, Việt Nam là quốc gia có thị trường trái phiếu tăng trưởng hàng đầu ở khu vực Châu Á. Tổng giá trị trái phiếu lưu hành trên thị trường tại thời điểm Quý I/2013 đạt khoảng 30,2 tỷ USD, tăng 53,3% so với cùng kỳ năm 2012. Trong giai đoạn 2000 – 2012, tỷ lệ giá trị trái phiếu lưu hành so với GDP có xu hướng tăng trưởng rõ nét.

Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam



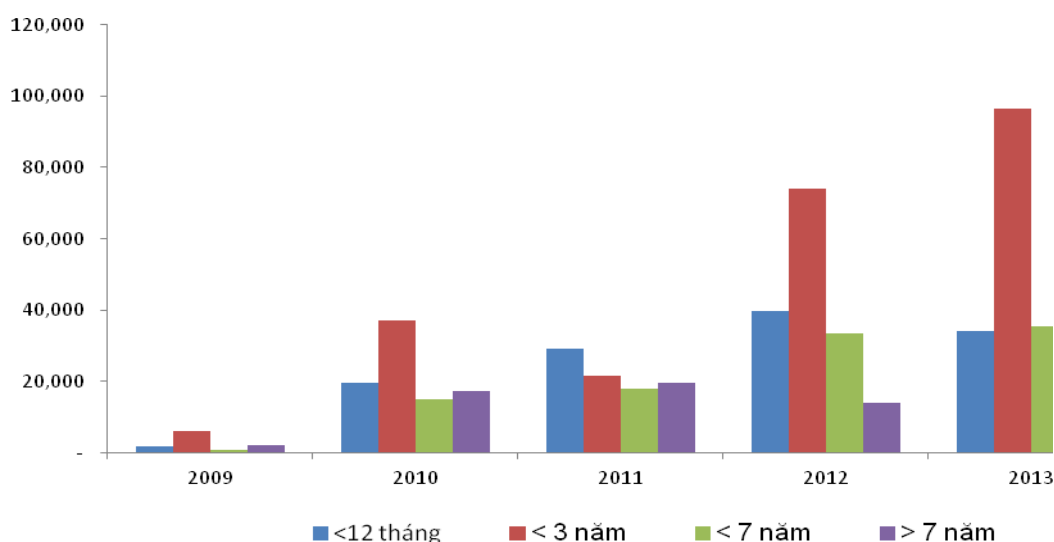
Căn cứ theo tổ chức phát hành, thị trường trái phiếu có thể được chia thành 02 phân khúc là trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Phân khúc trái phiếu Chính phủ chiếm tỷ trọng trên 90% quy mô của thị trường trái phiếu. Trái phiếu Chính phủ bao gồm 03 (ba) loại là trái phiếu do Kho bạc Nhà nước phát hành, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu của chính quyền địa phương. Đặc biệt các trái phiếu do Kho bạc Nhà nước phát hành có thể được niêm yết và giao dịch thông qua hệ thống giao dịch trái phiếu điện tử đặt tại sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) nên có lợi thế lớn về tính

thanh khoản. Phân khúc trái phiếu doanh nghiệp có tốc độ phát triển chậm hơn do những hạn chế về tính minh bạch, thanh khoản...

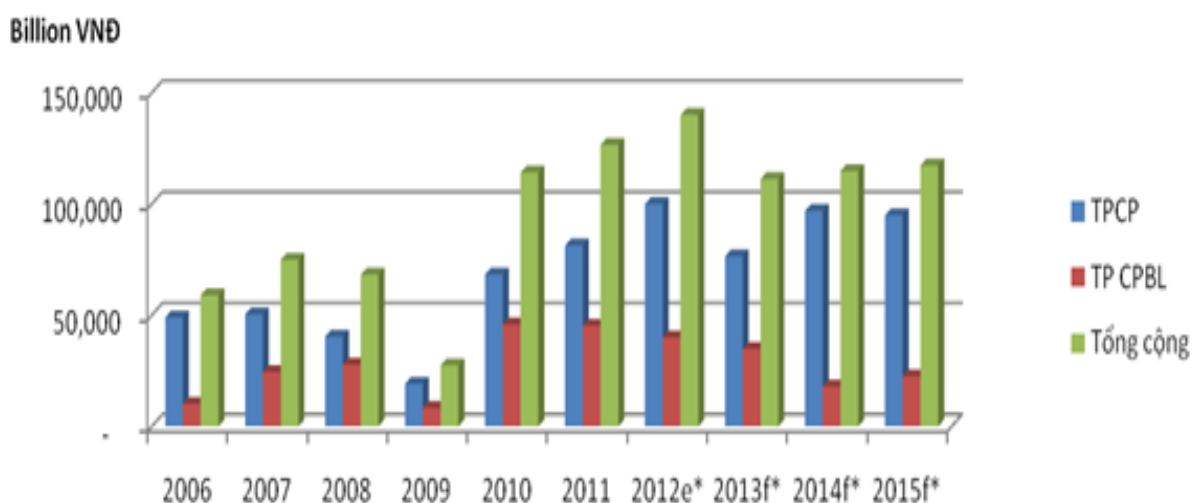
Trái phiếu Chính phủ được phát hành với nhiều kỳ hạn trong khoảng 2 – 15 năm. Tính tại thời điểm đầu năm 2013, trái phiếu kỳ hạn 03 năm chiếm tỷ trọng lớn nhất về giá trị (38,9%), theo sát sau đó là trái phiếu kỳ hạn 5 năm (31,0%) và kỳ hạn 02 năm (25,3%). Trái phiếu chính phủ với kỳ hạn trên 07 năm được phát hành tương đối hạn chế do mặt bằng lãi suất cao trong giai đoạn 2010 – 2012.

Giao dịch trái phiếu Chính phủ diễn ra sôi động trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp. Số lượng thành viên trên thị trường trái phiếu Chính phủ sơ cấp và thứ cấp tại thời điểm năm 2012 tương ứng là 83 thành viên và 53 thành viên bao gồm các tổ chức như công ty chứng khoán, ngân hàng, công ty bảo hiểm và quỹ đầu tư. Trong năm 2012, hệ thống đấu thầu điện tử đã được triển khai trên thị trường trái phiếu Chính phủ sơ cấp để giảm thiểu thủ tục đấu thầu, rút ngắn thời gian và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động đấu thầu. Trên thị trường thứ cấp, giá trị giao dịch bình quân trong năm 2012 là 842 tỷ đồng/phiên, tăng đáng kể so với giai đoạn 2010 – 2011.

Quy mô giao dịch TPCP trên thị trường thứ cấp giai đoạn 2009 -2013 (tỷ đ.)



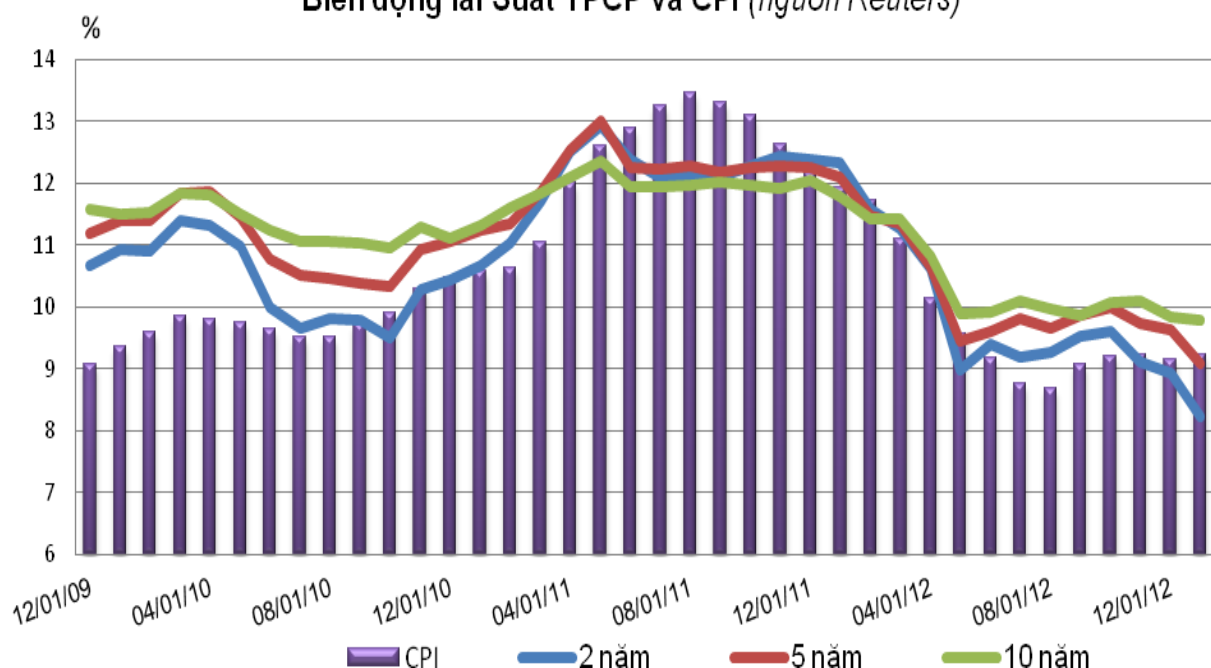
Kế hoạch phát hành TPCP giai đoạn 2013 – 2015 (nguồn: HNX)



Theo định hướng của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ được xem là một trong những kênh huy động vốn quan trọng cho nền kinh tế. Mặc dù đạt được tốc độ tăng trưởng cao, quy mô của thị trường trái phiếu Chính phủ vẫn còn hạn chế so với các thị trường trong khu vực. Mục tiêu của Chính phủ đến năm 2020 là tăng tỷ lệ giá trị trái phiếu Chính phủ lưu hành so với GDP lên mức 40%. Để thực hiện mục tiêu này, các cơ quan quản lý thị trường sẽ có nhiều giải pháp đồng bộ nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ như nâng cấp hệ thống giao dịch, thanh toán, xây dựng đường cong lãi suất chuẩn để làm cơ sở định giá cho thị trường sơ cấp và thứ cấp, triển khai các sản phẩm mới như trái phiếu “zero coupon”, công cụ phái sinh lãi suất, tỷ giá, điều chỉnh chính sách thuế và phí đối với giao dịch trái phiếu Chính phủ...

Hiện tại, trái phiếu Chính phủ là đối tượng đầu tư của các nhà đầu tư tổ chức tại Việt Nam như ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán... Ngoài nhà đầu tư tổ chức trong nước, trái phiếu Chính phủ còn thu hút được các nhà đầu tư nước ngoài do chênh lệch lãi suất khá cao giữa thị trường Việt Nam và các thị trường khác trên thế giới. Trong giai đoạn 2010 – 2012, có những thời điểm trái phiếu Chính phủ mang lại tỷ suất lợi nhuận hiệu quả hơn so với cổ phiếu. Với các biện pháp gia tăng quy mô, thanh khoản và chủng loại, thị trường trái phiếu Chính phủ được kỳ vọng sẽ thu hút thêm nhiều đối tượng tham gia hơn nữa. Hiện tại, trái phiếu Chính phủ gần như chỉ dành riêng cho các nhà đầu tư tổ chức. Trong thời gian tới, thị trường trái phiếu Chính phủ sẽ có thêm sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân với sự xuất hiện của quỹ mở, quỹ hưu trí. Với một thị trường đa dạng về hàng hóa và đảm bảo về thanh khoản, nhà đầu tư không chỉ mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn mà còn có thể thực hiện nhiều chiến lược đầu tư chủ động để gia tăng lợi nhuận.

Biến động lãi Suất TPCP và CPI (nguồn Reuters)



IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

4.1 Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ

4.1.1 Thông tin cơ bản

Tên công ty:	- Tiếng Việt: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt - Tiếng Anh: Bao Viet Fund Management Co Ltd. - Viết tắt: BVF
Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14/12/2007, Quyết định số 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2012, Quyết định số 08/GPĐC-UBCK ngày 22/04/2015 và Quyết định số 27/GPĐC-UBCK ngày 22/09/2015
Trụ sở chính:	Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Địa chỉ VPĐD	Lầu 4, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM
Vốn điều lệ:	100 tỷ đồng
Điện thoại:	(84-4) 3 928 9589
Fax	(84-4) 3 928 9590
Website:	http://www.baoviet.com.vn/fund

4.1.2 Giới thiệu về pháp nhân sở hữu Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt là đơn vị thành viên do Tập đoàn Bảo Việt (*Bảo Việt*) đầu tư 100% vốn điều lệ. Được thành lập từ năm 1965, trong suốt quá trình hoạt động của mình, Bảo Việt luôn là doanh nghiệp đi tiên phong trong nhiều lĩnh vực (*bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, công ty chứng khoán, Quản lý Quỹ*) tại thị trường Việt Nam. Với các mảng hoạt động hiệu quả, đến nay Bảo Việt đã trở thành Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, cung cấp các dịch vụ tài chính toàn diện bao gồm bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, Quản lý Quỹ và đầu tư với mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước, phục vụ hàng triệu khách hàng. Hiện nay, toàn hệ thống của Bảo Việt đã có 5.500 nhân viên, mạng lưới 45.000 tư vấn viên và 150 chi nhánh trên khắp cả nước.

Công ty mẹ Bảo Việt là công ty niêm yết (mã cổ phiếu: BVH) có trụ sở chính tại Hà Nội, với các cổ đông sáng lập gồm: Bộ Tài chính (70,91% cổ phần), Sumitomo Life (18% cổ phần), Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (3,26% cổ phần) và hơn 5.000 cổ đông phổ thông khác. Cổ phiếu của công ty mẹ được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh từ tháng 6 năm 2009.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Bảo Việt đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc Lập Hạng Ba, Huân chương Lao động Hạng Nhì, Chính phủ xếp hạng Doanh nghiệp Nhà nước hạng Đặc biệt và nhiều danh hiệu, giải thưởng do các tổ chức uy tín của trong và ngoài nước trao tặng. Bảo Việt được tổ chức BVQI (Vương quốc Anh) cấp chứng chỉ quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 từ tháng 8/2001.

4.1.3 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Ông Đặng Minh Lâm

Chủ tịch HĐTV

❖ Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng trường Đại học Dauphine (*Cộng hòa Pháp*) & Học viện ESCP-EAP (*Châu Âu*)
- Cử nhân Tài chính doanh nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân Tiếng Anh thương mại – Trường Đại học Ngoại thương liên kết Đại học Ngoại ngữ

❖ Kinh nghiệm làm việc:

- Hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản lý danh mục, đầu tư tài chính.
- Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 12/2014 đến nay.
- Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

từ tháng 12/2014 đến nay.

- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ tháng 4/2015 đến nay.
- Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 12/2014 đến tháng 4/2015.
- Giám đốc đầu tư Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ năm 2010 đến năm 2014.

Bà Trần Phương Thảo

Thành viên HĐQT

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Waseda, Tokyo, Nhật Bản
- Cử nhân kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại Thương
- Chứng chỉ LOMA – Bảo hiểm nhân thọ

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu và xây dựng chiến lược trong doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính, bảo hiểm.
- Trưởng Ban nghiên cứu và Chiến lược – Khối đầu tư chiến lược Tập đoàn Bảo Việt.

Ông Hatawaki Mitsuhiro

Thành viên HĐQT

❖ **Trình độ chuyên môn**

- Cử nhân Thương mại – Đại học Waseda, Tokyo, Nhật Bản

❖ **Kinh nghiệm làm việc**

- Hơn 22 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính.
- Trưởng Bộ phận Kế hoạch và Điều phối Đầu tư, Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo, Tokyo, Nhật Bản từ năm 2007.

4.1.4 Giới thiệu về nhân sự chủ chốt Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Ông Đậu Minh Lâm

Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại phần trên

4.2 Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Được thành lập từ tháng 11/2005 với số vốn điều lệ hiện tại là 100 tỷ đồng, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, lập và Quản

lý Quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhiều công ty bảo hiểm lớn và các tổ chức có nhu cầu đầu tư tài chính trên thị trường.

Hoạt động đầu tư của Công ty luôn hướng tới các chuẩn mực an toàn, hiệu quả và tăng trưởng bền vững. Kể từ khi được thành lập đến nay, Công ty luôn là một trong hai công ty quản lý quỹ của Việt Nam có giá trị tài sản quản lý dẫn đầu thị trường. Trong năm 2015, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đã duy trì được kết quả hoạt động khả quan khi là một trong số ít Công ty Quản lý Quỹ có lợi nhuận trong điều kiện rất khó khăn của thị trường, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 đạt xấp xỉ 31.024 tỷ đồng;
- Tổng doanh thu của Công ty đạt 59,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 18,9 tỷ đồng;

Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	41	42,2	42,2	46,1	54,1
Doanh thu từ hoạt động tài chính	11,2	9,3	6,4	5,5	4,9
Lợi nhuận trước thuế	10,8	18,2	16,5	15,4	18,9
Lợi nhuận sau thuế	8,7	14,6	13,2	12,4	15,1

Lưu ý: Các thông tin về hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai.

4.3 Các quỹ do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đang quản lý

4.3.1 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFED)

Thông tin chi tiết tại Bản Cáo bạch này.

4.3.2 Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt được thành lập vào tháng 10/2015 dưới dạng quỹ thành viên với mức vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng. Hiện tại, Quỹ BVIF là một trong những quỹ thành viên có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường Việt Nam. Quỹ BVIF ra đời với mục đích đón đầu xu hướng M&A, hoạt động cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước, nắm bắt cơ hội từ luồng vốn đầu tư mới do hiệu ứng từ quy định nói “room” và đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) thành công. Chiến lược đầu tư của BVIF là tham gia các đợt IPO cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, mua/bán tái cấu trúc doanh nghiệp, các đợt thoái vốn ngoài ngành... với định hướng trở thành cổ đông lớn để có thể cùng tham gia vào hoạt động quản trị của doanh nghiệp và tạo ra các giá trị gia tăng. Bên cạnh việc đầu tư vào các doanh nghiệp, BVIF sẽ đầu tư linh hoạt vào các tài sản khác tùy

theo điều kiện thị trường nhằm tăng hiệu quả cho Quý, tối đa hóa lợi nhuận cho các thành viên tham gia góp vốn.

4.3.3 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt (BVBF)

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Việt được thành lập vào tháng 04/2016 dưới dạng quỹ mở, tập trung đầu tư vào các loại tài sản có độ an toàn cao như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu doanh nghiệp có độ tín nhiệm cao, tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản đầu tư lãi suất cố định khác. Nhà đầu tư mục tiêu của Quỹ BVBF là các nhà đầu tư có mức độ chấp nhận rủi ro thấp, có xu hướng tìm kiếm một kênh đầu tư an toàn, ổn định. Quỹ BVBF là sản phẩm quỹ mở thứ hai của BVF và nằm trong kế hoạch phát triển chuỗi sản phẩm quỹ đầu tư công chúng để đáp ứng nhu cầu đa dạng của các nhà đầu tư trên thị trường.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Giấy phép hoạt động: Số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008
- GCNĐK hoạt động lưu ký : Số số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013
- Trụ sở chính: Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
- Điện thoại: (84-8) 3 829 2288
- Fax: (84-8) 6 256 3635
- Thời gian hoạt động: 99 năm
- Lĩnh vực hoạt động chính: Huy động vốn, tín dụng, thanh toán và ngân quỹ, khác

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán theo các điều kiện quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch này cho Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) xem xét và lựa chọn công ty kiểm toán cho Quý.

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 4 của Bản Cáo bạch này.

Lưu ý: Nhà đầu tư có quyền mở tài khoản và giao dịch Chứng chỉ quỹ tại nhiều Đại lý phân phối được công bố tại Bản cáo bạch. Nhà đầu tư cần lưu ý tài khoản giao dịch tại các Đại lý phân phối khác nhau là độc lập nhau.

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

- Tên tổ chức: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Giấy phép hoạt động: Số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008.
- GCNĐK hoạt động lưu ký: Số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013
- Trụ sở chính: Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
- Điện thoại: (84-8) 3 829 2288
- Fax: (84-8) 6 256 3635
- Thời gian hoạt động: 99 năm
- Lĩnh vực hoạt động chính: Huy động vốn, tín dụng, thanh toán và ngân quỹ, khác
- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: Dịch vụ Quản trị quỹ và Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng quyền

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

9.1 Thông tin chung về Quỹ

9.1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

- Tên Quỹ đầu tư : **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt.**
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Tên giao dịch:
 - o Bằng tiếng Việt: Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt
 - o Bằng tiếng Anh: Bao Viet Equity Dynamic Open-Ended Fund
 - o Tên viết tắt: BVFED
- Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt, Tầng 5, Toà nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

9.1.2 Giấy đăng ký phát hành: Số 50/GCN-UBCK ngày 07/10/2013 Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng.

9.1.3 Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ: Số 08/GCN-UBCK ngày 08/01/2014.

9.1.4 Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng vốn đầu tư và các dòng thu nhập từ tài sản đầu tư.

9.1.5 Ban Đại diện Quỹ

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Ban Đại diện

❖ Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính tín dụng - Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
- Cử nhân Khoa Ngôn ngữ Văn hóa Anh – Mỹ – Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.
- Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng trường Đại học Dauphine (cộng hòa Pháp) & Học viện ESCP-EAP (Châu Âu).

❖ Kinh nghiệm làm việc:

- Hơn 13 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính.
- Phó Giám đốc Khối Hoạt động – Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 4/2015 đến nay.
- Phó trưởng Ban Đầu tư dự án – Khối Đầu tư – Tập đoàn Bảo Việt từ năm 2012 đến năm 2014.

Ông Đỗ Anh Đức

Thành viên Ban Đại diện

❖ Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế phát triển - Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội.
- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân.

❖ Kinh nghiệm làm việc:

- Được đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực luật, có nhiều kinh nghiệm về luật kinh tế, đầu tư, chứng khoán.
- Giám đốc Ban đầu tư – Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam từ năm 2005.

Ông Nguyễn Cảnh Dương

Thành viên Ban Đại diện

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Kiểm toán – Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Chứng chỉ Kiểm toán viên - Bộ Tài chính.
- Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán – Bộ Tài chính

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 14 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán
- Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn DCPA.

9.1.6 Người điều hành Quỹ

Ông Nguyễn Đức Lương

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản – UBCKNN.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 06 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, trong đó có 02 năm kinh nghiệm quản lý danh mục đầu tư và quỹ đầu tư.
- Giám đốc Quản lý danh mục, Khối Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, từ tháng 9/2015 đến nay.
- Chuyên viên thẩm định và đầu tư dự án, Ban Đầu tư, Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 02/2015 đến tháng 08/2015.
- Chuyên viên đầu tư quỹ Asiavantage Global Limited từ tháng 10/2009 đến tháng 09/2014.

Ông Nguyễn Tiến Hải

❖ Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Thạc sỹ Tài chính tiền tệ và lưu thông tín dụng – Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản - UBCKNN

❖ Kinh nghiệm làm việc:

- Hơn 14 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, trong đó có 06 năm kinh nghiệm quản lý danh mục đầu tư và quỹ đầu tư.
- Giám đốc Quản lý danh mục, Khối Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, từ tháng 9/2015 đến nay.
- Trưởng phòng Quản lý Danh mục lãi suất cố định – Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt từ năm 2014 đến tháng 8/2015.

9.2 Nội dung chính của Điều lệ Quỹ

9.2.1 Các điều khoản chung

9.2.1.1 Tên và địa chỉ liên hệ

- | | |
|--------------------------|--|
| - Tên Quỹ đầu tư : | Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt |
| - Tên giao dịch quốc tế: | Bao Viet Equity Dynamic Open-Ended Fund |
| - Tên viết tắt: | BVFED |
| - Địa chỉ liên hệ: | Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt, Tầng 5, Toà nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |

9.2.1.2 Thời hạn hoạt động của Quỹ:

Không giới hạn. Thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư.

9.2.1.3 Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

- a. Quỹ hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016

của Bộ Tài chính, hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định trong Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch này.

- b. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
- c. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời thực thi các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.
- d. Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động của Quỹ phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản khác có liên quan.
- e. Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ, do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

9.2.1.4 Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

- a. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là 71.247.586.800 (*Bảy mươi một tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm*) đồng. Số vốn này được chia thành nhiều đơn vị quỹ với mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là 10.000 (*mười nghìn*) đồng.
- b. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.
- c. Số lượng đơn vị quỹ được phép lưu hành tối đa: Không giới hạn.

9.2.1.5 Đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

9.2.1.6 Công ty Quản lý Quỹ

Tên công ty: - Tiếng Việt: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt
 - Tiếng Anh: Bao Viet Fund Management Co Ltd.
 - Viết tắt: BVF

Giấy phép thành lập và Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
hoạt động cấp ngày 08/11/2005 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số
 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14/12/2007, Quyết định số
 38/GPĐC-UBCK ngày 18/06/2012, Quyết định số 08/GPĐC-
 UBCK ngày 22/04/2015 và Quyết định số 27/GPĐC-UBCK
 ngày 22/09/2015

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà

	Nội
Điện thoại	(84-4) 3 928 9589
Fax	(84-4) 3 928 9590
Địa chỉ VPĐD	Lầu 4, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM
Vốn điều lệ:	100 tỷ đồng

9.2.1.7 Ngân hàng Giám sát

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Giấy phép hoạt động: Số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008
- GCNĐK hoạt động lưu ký : Số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013
- Trụ sở chính: Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
- Điện thoại: (84-8) 3 829 2288
- Fax: (84-8) 6 256 3635

9.2.2 Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

9.2.2.1 Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng vốn đầu tư và các dòng thu nhập từ tài sản đầu tư.

9.2.2.2 Chiến lược đầu tư

- a. Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động theo đó tỷ trọng của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được điều chỉnh linh hoạt để nắm bắt kịp thời các cơ hội đầu tư trên thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cố định căn cứ vào sự vận động tương đối giữa hai thị trường, đặc biệt trong khoảng thời gian trung – dài hạn. Với chiến lược đầu tư như trên, Quỹ sẽ tập trung vào loại các tài sản có tính thanh khoản cao để đảm bảo việc điều chỉnh cơ cấu của danh mục đầu tư được thực hiện một cách chính xác và kịp thời.
- b. Chiến lược đầu tư của quỹ được thực hiện theo các bước như sau:
 - i. Đánh giá về sự vận động tương đối giữa thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cố định dựa trên các tiêu chí định tính và định lượng như: Chu kỳ phát

triển của nền kinh tế, chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, các chỉ số kinh tế vĩ mô, tình hình sản xuất kinh doanh của các ngành nghề chủ đạo trong nền kinh tế, cấu trúc kỳ hạn của lãi suất, mức độ phát triển “nóng” hoặc “lạnh” của từng thị trường thông qua các chỉ số định giá, phân tích kỹ thuật...

- ii. Xác định tỷ trọng tối ưu của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ căn cứ vào kết quả nhận định thị trường và mục tiêu đầu tư của Quỹ.

c. Cơ cấu tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ như sau:

Tài sản	Tỷ trọng (*)
1. Cổ phiếu (bao gồm quyền phát sinh có liên quan)	
<ul style="list-style-type: none"> - <i>Phần cơ sở</i>: Rổ cổ phiếu VN30 (trừ cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty quản lý Quỹ theo quy định tại Hạn chế đầu tư). - <i>Phần gia tăng</i>: Các cổ phiếu niêm yết được lựa chọn trên cơ sở phân tích, đánh giá những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp, thuộc các nhóm như cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng bền vững, cổ phiếu có khả năng tăng trưởng vượt trội theo từng chu kỳ phát triển của nền kinh tế, cổ phiếu có thị giá hấp dẫn so với giá trị định giá của Công ty Quản lý quỹ, có khả năng chi trả cổ tức tốt... Các cổ phiếu thuộc Phần gia tăng phải đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty Quản lý quỹ về tính thanh khoản. <p>Căn cứ điều kiện thị trường, Công ty Quản lý quỹ sẽ xác định tỷ trọng giữa Phần cơ sở và Phần gia tăng trong danh mục đầu tư theo hướng đảm bảo hiệu quả đầu tư và giới hạn rủi ro ở mức cho phép. Cơ cấu của Phần gia tăng không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ.</p>	Tối đa 100%
2. Lãi suất cố định	
<ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương. 	Tối đa 80%
<ul style="list-style-type: none"> - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan. 	Tối đa 49% (trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát)

(*) Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Lưu ý: Cơ cấu thực tế của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được xác định dựa vào chiến lược đầu tư và các hạn chế đầu tư của Quỹ.

9.2.2.3 Các hạn chế đầu tư

- a. Ngoài quy định về cơ cấu tài sản của Quỹ theo Chiến lược đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất 06 (sáu) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:
- i. Không được đầu tư quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản bao gồm (1) Tiền gửi, (2) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng và (3) Cổ phiếu niêm yết bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
 - ii. Không được đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ);
 - iii. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
 - iv. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% (bốn mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - v. Tại mọi thời điểm, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - vi. Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam.
 - vii. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.
 - viii. Không được đầu tư vào cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, danh mục đầu tư cổ phiếu của Quỹ là Rổ cổ phiếu VN30 nhưng loại trừ cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty quản lý Quỹ.
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm 9.2.2.3 – (a) – (v), (vi), (vii) cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư tại điểm 9.2.2.3 – (a) do các nguyên nhân sau:
- i. Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - ii. Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
 - iii. Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư.
 - iv. Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - v. Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sát nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá 06 (sáu) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
 - vi. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

- c. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn chế đầu tư theo quy định tại điểm 9.2.2.3 – (a) trong thời hạn 03 (ba) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
- d. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

9.2.2.4 Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Chiến lược đầu tư của Bản cáo bạch này và Điều lệ Quỹ.
- b. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá 5% (năm phần trăm) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 (ba mươi) ngày.
- c. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
- d. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại (repo) Trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch Trái phiếu Chính phủ.

9.2.2.5 Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

- a. Nguyên tắc chung:
 - i. Ngày định giá là ngày thứ Năm hàng tuần.
 - ii. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
 - iii. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị được thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý

Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan điều chỉnh kịp thời trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ.

- iv. Trong thời hạn tối đa 03 (ba) ngày kể từ ngày định giá (không tính các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật), sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố cho Nhà đầu tư trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- v. Các nội dung khác theo quy định của Điều lệ Quỹ.

b. Phương pháp:

- i. Giá trị tài sản ròng (NAV) là Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ trừ đi Tổng giá trị các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phí quản lý, phí lưu ký, phí giám sát, lãi vay ngân hàng nếu có...) tại ngày liền trước Ngày định giá.
- ii. Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ:
Tham khảo Phụ lục 3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ.
- iii. Giá trị đơn vị Quỹ (NAV/CCQ):

$$V = \frac{\text{NAV}}{N}$$

Trong đó:

- V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại Ngày định giá
 - N: Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất trước Ngày định giá.
- iv. Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá khi dùng để phân bổ Chứng chỉ Quỹ cho các lệnh giao dịch được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

9.2.3 Đặc trưng của Chứng chỉ Quỹ đầu tư

9.2.3.1 Nhà đầu tư

- a. Nhà đầu tư của Quỹ có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán khi đầu tư vào Quỹ.
- b. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- c. Nhà đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số

Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư pháp nhân ký.

9.2.3.2 Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

a. Nhà đầu tư có quyền

- i.* Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng đơn vị quỹ nắm giữ;
- ii.* Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ;
- iii.* Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ (nếu có);
- iv.* Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư;
- v.* Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.

b. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau đây

- i.* Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- ii.* Thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
- iii.* Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.

9.2.3.3 Sổ đăng ký sở hữu Chứng chỉ Quỹ

a. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc đại lý ký danh lập, quản lý sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư.

b. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

- i.* Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có); Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
- ii.* Số tài khoản; hoặc Số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);
- iii.* Số lượng đơn vị quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu (vào Sổ chính).

c. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản

ký danh (trừ Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh nước ngoài). Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

Lưu ý: Ở thời điểm hiện tại, Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua hình thức Đại lý phân phối ký danh. Căn cứ nhu cầu của Nhà đầu tư và khả năng của các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Công ty Quản lý Quỹ sẽ triển khai việc phân phối Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý phân phối ký danh và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi triển khai theo quy định của pháp luật.

9.2.3.4 Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư

- a. Nhà đầu tư có quyền biểu quyết là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện Nhà đầu tư, nhóm Nhà đầu tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ có quyền biểu quyết của Quỹ vào ngày chốt danh sách cổ đông, được quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư thường niên và Đại hội Nhà đầu tư bất thường.
- b. Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả các Nhà đầu tư tham dự bằng Thẻ biểu quyết theo số Chứng chỉ Quỹ sở hữu và đại diện. Mỗi Nhà đầu tư được cấp 01 Thẻ biểu quyết, trong đó ghi tên Nhà đầu tư/đại diện được ủy quyền, số Chứng chỉ Quỹ có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của Nhà đầu tư có đóng dấu treo của Công ty Quản lý Quỹ.
- c. Nhà đầu tư có quyền thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình tại Đại hội Nhà đầu tư. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết. Cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

9.2.3.5 Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể Quỹ và quyền của Nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể Quỹ

- a. Quy định chung về giải thể Quỹ
 - i. Việc thanh lý, giải thể quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong thời hạn 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ và trong Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn;
 - Giải thể Quỹ theo quyết định của đại hội Nhà đầu tư;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

ii. Việc thanh lý, giải thể Quỹ phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và phải được UBCK có văn bản chấp thuận.

b. Thanh lý Tài sản của Quỹ khi giải thể:

i. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm thanh lý tài sản và phân chia tài sản quỹ cho Nhà đầu tư theo phương án thanh lý, giải thể quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ.

ii. Tiền thu được từ thanh lý tài sản quỹ và các tài sản còn lại được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;
- Các khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể Quỹ;
- Phần còn lại được dùng để thanh toán cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà đầu tư trong Quỹ.

c. Các điều kiện hợp nhất, sát nhập

Việc hợp nhất, sát nhập chỉ được tiến hành theo quy định của pháp luật và phải được UBCK có văn bản chấp thuận.

9.2.4 Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ

9.2.4.1 Thời gian và địa điểm

a. Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ không ít hơn 02 (hai) lần trong một tháng. Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ sẽ được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch.

Việc điều chỉnh Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (*thay đổi Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ hoặc tăng tần suất giao dịch*) sẽ do Công ty quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

b. Thời điểm đóng sổ lệnh (*thời điểm nhận lệnh cuối cùng*) là 14h45 (*mười bốn giờ bốn mươi lăm phút*) tại ngày T – 1. Trường hợp ngày T – 1 là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang 14h45 (*mười bốn giờ bốn mươi lăm phút*) của ngày làm việc gần nhất trước đó.

c. Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ (mua/bán/hủy lệnh) trên tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Việc ủy quyền của Nhà đầu tư phải được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

d. Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý phân phối theo danh sách tại Bản cáo bạch này.

Lưu ý: Ở thời điểm hiện tại, Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua hình thức Đại lý phân phối ký danh. Căn cứ nhu cầu của Nhà đầu tư và khả năng của các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Công ty Quản lý Quỹ sẽ triển khai việc phân phối Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý phân phối ký danh và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi triển khai theo quy định của pháp luật.

9.2.4.2 Quy trình nhận lệnh mua

- a. Đối với Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (*nếu có*) và gửi yêu cầu cho Đại lý chuyển nhượng mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên cơ sở Giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch này. Nhà đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau:
- i. Tài khoản của chính mình, đứng tên chủ sở hữu là Nhà đầu tư (*gọi tắt là tài khoản của Nhà đầu tư*);
 - ii. Tiểu khoản giao dịch trên tài khoản đứng tên của đại lý ký danh (*gọi tắt là tiểu khoản của Nhà đầu tư*).
- b. Trường hợp giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
- i. Chuyển khoản từ tài khoản đứng tên Nhà đầu tư;
 - ii. Trực tiếp chuyển tiền thông qua ngân hàng trung gian;
 - iii. Chuyển khoản từ tài khoản của người hoặc tổ chức được chỉ định và đã đăng ký với Công ty Quản lý quỹ.

Trường hợp giao dịch trên tiểu khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư chuyển tiền theo hướng dẫn của Đại lý ký danh.

Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng cần mở tài khoản "Góp vốn, mua cổ phần" (CCA) phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối trong việc chuyển tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ. Khi tiến hành thủ tục mở tài khoản tại Đại lý phân phối, Nhà đầu tư nước ngoài đăng ký tài khoản CCA là tài khoản nhận các khoản thanh toán từ hoạt động giao dịch Chứng chỉ Quỹ và cung cấp tài liệu xác nhận tài khoản CCA đã được mở tại ngân hàng thương mại cho Đại lý phân phối.

Lưu ý: Phí chuyển tiền và thuế phát sinh (nếu có) do Nhà đầu tư tự thanh toán.

- c. Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ (*Phiếu lệnh*) theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi Phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán đồng thời phải ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác, Đại lý phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và lưu giữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
- d. Lệnh mua được gửi kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc được Ngân hàng Giám sát xác nhận đã nhận được đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Đối với Đại lý ký danh, việc

thanh toán vào tài khoản của Quý được thực hiện trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý ký danh.

- e. Chỉ các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh mới được thực hiện. Các lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.
- f. Giá trị của một lệnh mua (*trừ Chương trình đầu tư định kỳ*) không nhỏ hơn 1.000.000 (*một triệu*) đồng (*không nhỏ hơn 2.000.000 đồng đối với đợt phát hành lần đầu*)
- g. Số lượng đơn vị quỹ bán cho Nhà đầu tư được xác định theo công thức:

$$S = \frac{M * (1 - \text{Phí phát hành})}{V}$$

Trong đó:

S: Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư;

M: Giá trị đặt mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ;

V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (*một*) Chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch;

- h. Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- i. Trong thời hạn 03 (*ba*) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

9.2.4.3 Quy trình nhận lệnh bán

- a. Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ (*Phiếu lệnh*) theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi Phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán đồng thời phải ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác, Đại lý phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và lưu giữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
- b. Chỉ các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh mới được thực hiện. Các lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.
- c. Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối, Đại lý ký danh hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan bảo đảm Nhà đầu tư có đủ số lượng Chứng chỉ Quỹ để bán theo yêu cầu.

Lưu ý: Trường hợp sau khi lệnh giao dịch của nhà đầu tư được thực hiện, nếu số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn 05 (năm) Chứng

chỉ Quỹ thì toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch kế tiếp.

- d. Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại điểm 9.2.4.7;
- e. Số lượng Chứng chỉ Quỹ đối với 01 (một) lệnh bán không nhỏ hơn 05 (năm) Chứng chỉ Quỹ và có thể có số lẻ ở dạng thập phân tới số hạng thứ 02 (hai) sau dấu phẩy.
- f. Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư khi bán Chứng chỉ Quỹ được xác định theo công thức:

$$T = R \times V \times (1 - \text{Phí mua lại}) - \text{Thuế, phí phát sinh (nếu có)}$$

Trong đó:

T: Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư;

R: Số lượng Chứng chỉ Quỹ đã bán thành công;

V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch

- g. Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- h. Việc thanh toán được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc các hình thức khác theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư

Lưu ý: Các chi phí và thuế phát sinh (nếu có) trong quá trình chuyển tiền cho Nhà đầu tư từ tài khoản của Quỹ sẽ được khấu trừ vào Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư.

- i. Thời hạn thanh toán không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong các trường hợp quy định tại điểm 9.2.4.7 – (a) – (i) và sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, việc thanh toán có thể chậm hơn nhưng không quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- j. Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - i. Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất;
 - ii. Được Nhà đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
 - iii. Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán vượt quá 50 (năm mươi) tỷ đồng;
 - iv. Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm sự phù hợp về loại tài sản, cơ cấu và tỷ trọng tài sản có trong danh mục đầu tư của Quỹ.
 - v. Thủ tục và thời gian chuyển giao tài sản cho nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

- k. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại điểm (j) nói trên.

9.2.4.4 Hủy lệnh giao dịch

- a. Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước 14h45 của ngày T – 1.
- b. Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh giao dịch của Nhà đầu tư sẽ được thực hiện trong các trường hợp sau:
- i. Lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh
 - ii. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ chưa có tại tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trong ngày T – 1 (*giao dịch qua Đại lý phân phối*);
 - iii. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ không theo quy định tại điểm 9.2.4.2 – (b);
 - iv. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được thấp hơn giá trị đã đăng ký tại lệnh mua và Đại lý phân phối không thực hiện các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy định của Đại lý chuyển nhượng;

9.2.4.5 Hoàn trả tiền

- a. Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được cao hơn giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua, lệnh mua sẽ được thực hiện với giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua và phần tiền còn thừa sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (nếu có).
- b. Trường hợp hủy lệnh giao dịch và/hoặc tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được không xác định được lệnh đăng ký mua đi kèm hoặc không xác nhận được thông tin tên người chuyển tiền và nội dung chuyển tiền, các khoản tiền này sẽ được chuyển trả về ngân hàng đã chuyển tiền để hoàn trả cho đối tượng chuyển tiền sau khi trừ đi các chi phí phát sinh (nếu có).
- c. Thời hạn hoàn trả đối với tất cả các trường hợp nói trên là trong vòng 05 (năm) ngày kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

9.2.4.6 Chương trình đầu tư định kỳ

- a. Nhà đầu tư có thể thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ theo đó Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ;
- b. Thông tin về Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch;

9.2.4.7 Các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch

- a. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán của Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
- Tổng giá trị các lệnh bán trừ tổng giá trị các lệnh mua tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% (*mười phần trăm*) Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV); hoặc
 - Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) giảm xuống dưới 50 (*năm mươi*) tỷ đồng.
- b. Trường hợp lệnh bán được thực hiện một phần theo quy định tại điểm (a) nói trên, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng nguyên tắc mua lại theo cùng một tỷ lệ theo đó tất cả các lệnh bán được ghép cùng nhau để thực hiện, đảm bảo tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy bỏ trừ trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn 50 (*năm mươi*) Chứng chỉ Quỹ sẽ được xử lý theo quy định tại điểm 9.2.4.3 – (c). Trường hợp vẫn có nhu cầu bán, nhà đầu tư tiếp tục đặt lệnh tại Ngày giao dịch kế tiếp.

Công thức tính tỷ lệ như sau:

- Đối với trường hợp quy định tại điểm (a) – (i) nói trên, việc phân bổ lệnh bán cho nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{10\% \times \text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng (*)}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

- Đối với trường hợp quy định tại điểm (a) – (ii) nói trên, việc phân bổ lệnh bán cho nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng (*)} - 50 \text{ (năm mươi tỷ) đồng}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

(*) Tổng giá trị lệnh mua ròng = Tổng giá trị tiền chuyển đặt mua – Tổng phí phát hành

- c. Đối với trường hợp quy định tại điểm (a) – (i) nói trên, Công ty quản lý Quỹ được phép đề xuất Ban Đại diện Quỹ duyệt kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- d. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

- iii. Các sự kiện khác do điều lệ quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
- e. Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 (*hai mươi bốn*) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm (d) nêu trên và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
- f. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không được kéo dài quá 90 (*chín mươi*) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
- g. Trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại điểm (f) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- h. Trong thời hạn triệu tập đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội Nhà đầu tư.

9.2.4.8 Chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ

- a. Trường hợp Công ty quản lý quỹ có từ hai quỹ mở, lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - i. Lệnh bán đối với Chứng chỉ Quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - ii. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - iii. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán phí chuyển đổi (*nếu có*), không phải thanh toán phí mua, phí bán đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm (a) – (i) và (a) – (ii) nói trên
- b. Các thông tin về việc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ sẽ được công bố đầy đủ cho Nhà đầu tư tại Bản Cáo bạch hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối theo quy định của pháp luật.

9.2.4.9 Thực hiện các chuyển nhượng phi thương mại

a. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

- i. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- ii. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

b. Cho tặng Chứng chỉ Quỹ

- i. Bên được cho tặng phải cung cấp các giấy tờ và làm các thủ tục cần thiết để mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- ii. Bên cho tặng nộp đơn đề nghị cho tặng tại Đại lý phân phối.
- iii. Số lượng Chứng chỉ Quỹ cho tặng không thấp hơn 05 (năm) Chứng chỉ Quỹ.
- iv. Trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại trên tài khoản của Bên cho tặng thấp hơn 05 (năm) Chứng chỉ Quỹ, số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại này sẽ được tự động bán hết tại Ngày giao dịch kế tiếp.

c. Đối với các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại, Nhà đầu tư chỉ thanh toán các chi phí và thuế phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

9.2.5 Thông tin về các mức phí mà Quỹ phải trả

9.2.5.1 Phí Quản lý Quỹ

- a. Phí Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ.
- b. Phí Quản lý Quỹ là 1,0%/năm (*Một phần trăm một năm*) tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ và được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng. Tổng số phí phải trả hàng tháng là tổng số phí được tính (*trích lập*) tại các chu kỳ định giá thực hiện trong tháng theo công thức tính phí cho các kỳ báo cáo sau:

$$\text{Phí phải trả} = \frac{\text{Tỷ lệ Phí Quản lý Quỹ (\%)} \times \text{NAV tại cuối Chu kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong Chu kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365/366)}}$$

Ngân hàng Giám sát sẽ tự động trích tiền từ tài khoản của Quỹ để trả cho Công ty Quản lý Quỹ theo chỉ thị thanh toán thường xuyên.

- c. Căn cứ chiến lược hoạt động của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư có thể xem xét, điều chỉnh Phí Quản lý Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật.

9.2.5.2 Phí Lưu ký, Phí Giám sát quỹ, Phí Quản trị quỹ, Phí Đại lý chuyển nhượng

- a. Phí Lưu ký, Phí Giám sát quỹ, Phí Quản trị quỹ, Phí Đại lý chuyển nhượng được trả cho Ngân hàng Giám sát và tổ chức được ủy quyền để cung cấp các dịch vụ tương ứng cho Quỹ;
- b. Mức phí và cách tính phí được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

9.2.5.3 Chi phí khác

- a. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
- b. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.
- c. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.
- d. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
- e. Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

9.2.6 Phân chia lợi nhuận

- a. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư (*hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư*) quyết định việc phân chia lợi nhuận của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ.
- b. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
- c. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
- d. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - i. Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);
 - ii. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - iii. Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);
 - iv. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - v. Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của quỹ sau khi phân chia

9.2.7 Đại hội Nhà đầu tư

9.2.7.1 Đại hội Nhà đầu tư thường niên, bất thường

- a. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà

- đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
- b. Đại hội Nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp đại hội Nhà đầu tư thường niên hoặc bất thường có thể được tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản nếu có sự đồng ý của Ban đại diện Quỹ và không liên quan đến một trong những vấn đề sau: thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; Tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ.
 - c. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
 - i. Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - ii. Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% (*mười phần trăm*) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất 06 (*sáu*) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;
 - iii. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - d. Việc tổ chức họp bất thường đại hội Nhà đầu tư theo quy định điểm (c) nói trên phải được thực hiện trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

9.2.7.2 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư

- a. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát, phương án phân phối lợi nhuận;
- b. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; Tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; Thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ;
- c. Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ ;
- d. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; tách quỹ;
- e. Giải thể quỹ;
- f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ.
- g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp và tại Điều lệ Quỹ.

9.2.7.3 Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư

- a. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu 15 (*mười lăm*) ngày trước khi tiến hành đại hội.
- b. Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác.
- c. Cuộc họp đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% (*năm mươi một phần trăm*) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.
- d. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm (c) nói trên, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
- e. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư.
 - i. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
 - ii. Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung, họp trực tuyến (*bao gồm họp tại một địa điểm hoặc từ hai địa điểm trở lên thông qua sự kết nối của các phương tiện, thiết bị truyền thông điện tử*) hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản tới Nhà đầu tư.
 - iii. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì
 - iv. Tất cả các cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và bản gốc lưu trữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
 - v. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản từ các Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền của Ban Đại diện Quỹ phải thực hiện các công việc sau:
 - Phát hành Phiếu hỏi ý kiến gồm các nội dung chính như lý do, lựa chọn biểu quyết, thời hạn cuối cùng gửi lại.
 - Gửi Phiếu hỏi ý kiến cùng các tài liệu liên quan tới tất cả các Nhà đầu tư hợp lệ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu trước 15 (*mười lăm ngày*) trước thời hạn cuối cùng gửi ý kiến.
 - Lập Ban kiểm phiếu trong đó có đại diện của Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản, nghị quyết được công bố trên trang tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 07 (*bảy*) ngày kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến.

9.2.7.4 Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

- a. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý

- Quý, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho quý được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
- b. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện quý thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.
 - c. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện ít nhất 51% (*năm mươi một phần trăm*) tổng số đơn vị quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
 - d. Đối với nội dung quy định tại các điểm 9.2.7.2 – (b), (c), Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số đơn vị quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
 - e. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% (*năm mươi một phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà đầu tư biểu quyết chấp thuận.
 - f. Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
 - g. Trong vòng 07 (*bảy*) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ngân hàng Giám sát, cung cấp cho nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

9.2.8 Ban Đại diện Quỹ

9.2.8.1 Tổ chức Ban Đại diện Quỹ

Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát.

9.2.8.2 Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

- a. Ban Đại diện Quỹ có từ 3 (*ba*) đến 11 (*mười một*) thành viên, trong đó có ít nhất 2/3 (*hai phần ba*) số thành viên Ban Đại diện Quỹ là thành viên độc lập.
- b. Ưu tiên những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn.
- c. Chủ tịch và Phó Chủ tịch phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ.
- d. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
 - i. Tối thiểu 01 (*một*) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - ii. Tối thiểu 01 (*một*) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm

việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

iii. Tối thiểu 01 (một) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán;

e. Trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại điểm (a) và điểm (d) nói trên, hoặc thành viên bị buộc phải từ nhiệm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại điểm d điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

9.2.8.3 Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ

- a. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
- b. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận.
- c. Quyết định tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư của Quỹ (nếu có), mức lợi nhuận phân phối, thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh căn cứ phê duyệt của Đại hội Nhà đầu tư; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- d. Quyết định điều chỉnh Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ (thay đổi Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ hoặc tăng tuần suất giao dịch) theo đề nghị của Công ty quản lý Quỹ.
- e. Trường hợp Điều lệ Quỹ có quy định và Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại điểm 9.2.7.2 – (b), (c), (d), (e), (f) và (g).
- f. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
- g. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại điểm (e) nói trên, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Công ty Quản lý Quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà đầu tư theo phương thức quy định tại Điều lệ quỹ.
- h. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại

cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

9.2.8.4 Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

- a. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện.
- b. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
 - Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

9.2.8.5 Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

9.2.8.6 Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành viên Ban Đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn tư cách trong các trường hợp sau:

- a. Bị khởi tố hoặc truy tố;
- b. Bị tòa án tuyên bố mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền;
- d. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;
- e. Bị cách chức thành viên Ban Đại diện Quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
- f. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- g. Thực hiện những hành vi làm tổn hại đến quyền và lợi ích của Nhà đầu tư và Quỹ.
- h. Việc chỉ định thành viên thay thế được thông qua Đại hội Nhà đầu tư thường niên kế tiếp, trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư được triệu tập bất thường do việc bãi miễn tư cách thành viên Ban Đại diện Quỹ nêu tại Điều này dẫn đến số lượng thành viên của Ban Đại diện Quỹ ít hơn so với số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật

hiện hành.

9.2.8.7 Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

- a. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
- b. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ 51% (*năm mươi một phần trăm*) trở lên.
- c. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và bằng hình thức khác theo quy định tại Điều lệ quỹ. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản
- d. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được tối thiểu 60% (*sáu mươi phần trăm*) số thành viên dự họp và tối thiểu 51% (*Năm mươi một phần trăm*) số thành viên độc lập thông qua.
- e. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.
- f. Nghị quyết, Biên bản của cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên liên quan (*chỉ với các nội dung được đề cập tại điểm 9.2.8.3 – (g)*).
- g. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ, nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

9.2.9 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ

9.2.9.1 Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động Quản lý Quỹ.
- b. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát.
- c. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác Quản lý Quỹ.

9.2.9.2 Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý Quỹ

- a. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ
 - i. Tuân thủ Điều lệ quỹ và bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;
 - ii. Công bằng, trung thực và vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;

- iii.* Bảo vệ an toàn và quản lý tách biệt tài sản của từng Quỹ, của Công ty Quản lý Quỹ;
 - iv.* Đối với những giao dịch của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ; thông báo đầy đủ thông tin liên quan đến giao dịch đó cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN và thông báo công khai cho Nhà đầu tư;
 - v.* Bảo đảm việc uỷ quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty Quản lý Quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ;
 - vi.* Đền bù các tổn thất của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều này;
 - vii.* Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, những người quản lý và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
 - viii.* Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc đầu tư, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho một người thứ ba, ngoài khoản phí quy định trong Điều lệ quỹ;
 - ix.* Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - x.* Trong trường hợp Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản Quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do Công ty Quản lý Quỹ chịu;
 - xi.* Thay mặt Quỹ thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
 - xii.* Cung cấp cho các Nhà đầu tư các báo cáo có liên quan hàng tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật.
 - xiii.* Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.
- b. Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau
- i.* Được tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ (nhưng không được quyền biểu quyết).
 - ii.* Được hưởng các khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
 - iii.* Được hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán; Công ty Quản

lý Quỹ chỉ được tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào hoặc tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý; không được tham gia các hoạt động tư vấn niêm yết hoặc tư vấn phát hành chứng khoán;

- iv. Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- v. Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

9.2.9.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - i. Theo đề nghị Ban Đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - ii. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - iii. Hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;
 - iv. Quỹ hết thời gian hoạt động.
- b. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu 06 (sáu) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.

9.2.9.4 Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng Giám sát.
- b. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác.
- c. Công ty Quản lý Quỹ không được đầu tư, góp vốn hoặc mua cổ phần của một Công ty Quản lý Quỹ khác; không được đầu tư, góp vốn hoặc mua cổ phần của một công ty chứng khoán.
- d. Công ty Quản lý Quỹ không được phép dùng vốn của một quỹ để mua tài sản của một quỹ khác mà mình quản lý nhằm làm tăng hay giảm giá trị của Quỹ.
- e. Công ty Quản lý Quỹ không được đầu tư vốn của Quỹ vào bất kỳ tài sản hoặc loại chứng khoán nào mà trong đó Công ty Quản lý Quỹ, nhân viên và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ có quyền lợi, trừ trường hợp có sự cho phép trước của Ban Đại diện Quỹ.
- f. Công ty Quản lý Quỹ không được nhận cho chính mình bất kỳ thu nhập hay lợi ích nào thu được từ việc sử dụng các dịch vụ giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp và phải hạch toán các khoản này vào thu nhập của Quỹ.
- g. Công ty Quản lý Quỹ không được thực hiện các giao dịch làm tăng chi phí và rủi ro

không hợp lý cho Quỹ.

h. Các hạn chế khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

9.2.10 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát

9.2.10.1 Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 98 Luật Chứng khoán và không phải là người có liên quan tới Công ty Quản lý Quỹ.

9.2.10.2 Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Giám sát

a. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát:

- i.* Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư quỹ;
- ii.* Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng ;
- iii.* Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ
- iv.* Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
- v.* Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
- vi.* Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- vii.* Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ [tần suất] phù hợp với các qui định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác
- viii.* Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- ix.* Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- x.* Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- xi.* Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập

hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;

xii. Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;

xiii. Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

- b. Ngân hàng Giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ bảo quản, giám sát tài sản quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật; không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác cho chính mình hoặc cho người thứ ba.
- c. Được tham gia các cuộc họp định kỳ của Ban Đại diện Quỹ.

9.2.10.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng Giám sát

- a. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- i. Ngân hàng Giám sát được tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ được Đại hội đồng thành viên chấp thuận;
 - ii. Ngân hàng Giám sát chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
 - iii. Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ban Đại diện Quỹ được Đại hội đồng thành viên chấp thuận.
- b. Trong trường hợp quy định tại điểm (a) nói trên, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng Giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

9.2.11 Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

9.2.11.1 Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

- a. Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) xem xét và lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ.
- b. Các công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
- i. Được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, được phép cung cấp dịch vụ kiểm toán;
 - ii. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
 - iii. Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ;

- c. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ phù hợp với giấy phép của UBCK.

9.2.11.2 Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động chính thức cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

9.2.11.3 Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định (*nếu có*).

9.2.11.4 Báo cáo tài chính

- a. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
- b. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn.
- c. Báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ sẽ được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.
- d. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về báo cáo tài chính.

9.2.11.5 Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về công bố thông tin và báo cáo các hoạt động kinh doanh.

9.3 Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

9.3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do sự biến động của các yếu tố vĩ mô như lãi suất, tỷ giá, giá cả hàng hoá và dịch vụ, cạnh tranh... làm ảnh hưởng bất lợi đến thị trường cổ phiếu, thị trường lãi suất cố định nói chung và các khoản đầu tư của Quỹ nói riêng.

9.3.2 Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro phát sinh khi tỷ suất lợi nhuận của Nhà đầu tư không theo kịp tốc độ lạm phát của nền kinh tế, dẫn tới tỷ suất lợi nhuận thực âm.

9.3.3 Rủi ro thiếu tính thanh khoản

Rủi ro thiếu tính thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty Quản lý Quỹ gặp khó khăn trong việc thực hiện đầu tư hoặc chuyển đổi tài sản đầu tư thành tiền do sự hạn chế về thanh khoản trên thị trường.

9.3.4 Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh khi hoạt động đầu tư của Quỹ bị ảnh hưởng bởi các thay đổi về mặt pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9.3.5 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro liên quan đến những tổn thất/thiệt hại nếu bên đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/chi trả hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn.

9.3.6 Rủi ro xung đột lợi ích

Rủi ro xung đột lợi ích là rủi ro phát sinh từ xung đột lợi ích giữa các quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý hoặc giữa Quỹ với các sản phẩm tài chính khác của công ty, từ đó dẫn tới sự đối xử bất lợi đối với Quỹ.

9.3.7 Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do các quy trình, hệ thống hay nhân viên trong nội bộ Công ty Quản lý Quỹ vận hành không tốt hoặc do các nguyên nhân khách quan bên ngoài.

9.3.8 Rủi ro chiến lược đầu tư

Rủi ro do chiến lược đầu tư là rủi ro phát sinh do tỷ trọng các lớp tài sản của Quỹ không được điều chỉnh kịp thời dẫn tới tỷ suất lợi nhuận của Quỹ không đáp ứng được Mục tiêu đầu tư.

9.4 Chính sách thuế

- a. Chính sách thuế áp dụng cho Quỹ tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật đối với hoạt động đầu tư.
- b. Các loại thuế bao gồm nhưng không giới hạn:
 - i. Thuế áp dụng đối với Quỹ.
 - ii. Thuế thu nhập đối với Nhà đầu tư
 - Nhà đầu tư tổ chức (*không phân biệt trong nước hay nước ngoài*): thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% (*hai mươi lăm phần trăm*) trên lợi nhuận

được chia hoặc 25% (hai mươi lăm phần trăm) trên giá trị gia tăng của tài sản được chia so với mệnh giá khi quỹ bị thanh lý hay giải thể. Lợi nhuận tính thuế không bao gồm phần lợi tức được chia do đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước.

- Nhà đầu tư cá nhân: thuế suất thuế thu nhập là 5% (năm phần trăm) trên lợi nhuận được chia hoặc 5% (năm phần trăm) trên giá trị gia tăng của tài sản được chia so với mệnh giá khi quỹ bị thanh lý hay giải thể. Ngoài ra, giao dịch bán lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư cá nhân có thể chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán 0,1% (không phải một phần trăm) trên doanh thu bán lại Chứng chỉ Quỹ hoặc hình thức khác đã đăng ký với cơ quan thuế.

Ghi chú: Trên đây là biểu thuế hiện hành áp dụng đối với các giao dịch của Nhà đầu tư vào quỹ đại chúng và có thể thay đổi tại từng thời điểm theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư cần tham khảo các quy định có liên quan hoặc chuyên gia trong lĩnh vực thuế để có được thông tin cần thiết cho quyết định đầu tư của mình.

- iii. Hình thức nộp thuế theo lựa chọn mà Nhà đầu tư đăng ký khi tham gia giao dịch Chứng chỉ Quỹ gồm khấu trừ tại nguồn hoặc hình thức khác.
- c. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi thanh toán cho Nhà đầu tư

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

10.1 Căn cứ pháp lý

10.1.1 Giấy đăng ký phát hành: Số 50/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/10/2013.

10.1.2 Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ: Số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/01/2014.

10.2 Phương án phát hành lần đầu

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFED)
Loại hình	Quỹ mở
Thời hạn của Quỹ	Không giới hạn
Mục tiêu đầu tư	Tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng vốn đầu tư và các dòng thu nhập từ tài sản đầu tư
Kiểm soát rủi ro đầu tư	Ngân hàng Giám sát và bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra và giám sát

	hoạt động đầu tư của Quỹ căn cứ vào chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch này	
Cơ cấu đầu tư:	Tài sản	Tỷ trọng (*)
	1. Cổ phiếu	
	- Rổ cổ phiếu VN30	Tối đa 95%
	2. Lãi suất cố định	
	- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.	Tối đa 80%
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. - Công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng.	Tối đa 49%	
	<i>(*) Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ</i>	
Số lượng đơn vị quỹ dự kiến chào bán:	Tối thiểu 5.000.000 (Năm triệu) đơn vị quỹ	
Thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ	<p>Từ 18/11/2013 đến 18/12/2013</p> <p>Công ty Quản lý Quỹ có thể kết thúc đợt phát hành lần đầu sớm hơn khoảng thời gian nêu trên nếu các điều kiện sau đây được thỏa mãn đồng thời:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tổng giá trị đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ không thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng; b. Thời hạn đăng ký mua không ít hơn 20 ngày kể từ ngày đăng ký mua đầu tiên; c. Có tối thiểu 100 Nhà đầu tư, không kể Nhà đầu tư chuyên nghiệp đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ; 	
Mệnh giá	10.000 VNĐ	
Phí phát hành	0 VNĐ	
Giá phát hành	10.000 VNĐ	
Đơn vị tiền tệ	VNĐ	
Giá trị mua tối thiểu	2.000.000 đồng tương đương 200 Chứng chỉ Quỹ	

<p>Phương thức đăng ký mua</p>	<p>a. Nhà đầu tư đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản cáo bạch này.</p> <p>b. Đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (<i>nếu có</i>) và mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên cơ sở Giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch này.</p> <p><i>Lưu ý: Do Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua Đại lý phân phối ký danh, tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ là tài khoản Nhà đầu tư đứng tên chủ sở hữu (gọi tắt là tài khoản của Nhà đầu tư);</i></p> <p>c. Nhà đầu tư chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản phong tỏa của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát trong thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ.</p> <p>d. Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch này. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>e. Lệnh mua được gửi kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản phong tỏa hoặc được Ngân hàng Giám sát xác nhận đã nhận được đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư.</p>
<p>Phương thức phân bổ Chứng chỉ Quỹ lần đầu:</p>	<p>Số lượng Chứng chỉ Quỹ phân bổ cho Nhà đầu tư = Tổng số tiền đặt mua hợp lệ / Giá phát hành</p>
<p>Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư</p>	<p>Trong thời hạn 03 (<i>ba</i>) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực.</p>
<p>Ngày giao dịch đầu tiên</p>	<p>Ngày thứ Năm thứ ba của tháng 02/2014 (20/02/2014)</p>
<p>Trường hợp phát hành Chứng chỉ Quỹ không thành công</p>	<p>Trong thời hạn 15 (<i>mười lăm</i>) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán bao gồm cả thời gian gia hạn (<i>nếu có</i>), Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chịu mọi phí tổn, nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc huy động vốn và hoàn trả cho Nhà đầu tư mọi khoản tiền đã đóng góp, bao gồm cả lãi suất (<i>nếu có</i>), khi xảy ra một trong các trường</p>

	<p>hợp dưới đây:</p> <p>a. Có ít hơn 100 (<i>một trăm</i>) Nhà đầu tư, không kể Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, mua Chứng chỉ Quỹ;</p> <p>b. Tổng giá trị vốn huy động được thấp hơn 50 (<i>năm mươi</i>) tỷ đồng;</p>
Đại lý phân phối	Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 4 của Bản Cáo bạch này.
Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt; - Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt; - Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

10.3 Giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau đợt phát hành lần đầu

10.3.1 Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường

Thời gian giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau đợt phát hành lần đầu	Ngày thứ Năm thứ ba của tháng 02/2014 (20/02/2014)	
Ngày giao dịch	<p>Định kỳ ngày thứ Năm thứ nhất và thứ ba trong tháng, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (<i>Ngày T</i>).</p> <p>Kể từ ngày 06/11/2014, Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ là định kỳ thứ Năm hàng tuần.</p>	
Giá mua lại	NAV/CCQ tại ngày giao dịch - Phí mua lại Chứng chỉ Quỹ	
Giá bán (<i>Giá phát hành</i>)	NAV/CCQ tại ngày giao dịch + Phí phát hành Chứng chỉ Quỹ	
Phí phát hành	0,5% (<i>không phải năm phần trăm</i>) tính trên số tiền đăng ký mua hợp lệ	
Phí mua lại	Thời gian nắm giữ	Phí mua lại
	Nhỏ hơn 03 tháng	0,5%
	Từ 03 tháng trở lên	Không tính phí
<p>Trong trường hợp, số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là</p>		

	các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.	
Phí chuyển đổi	Thời gian nắm giữ	Mức phí
	Nhỏ hơn 03 tháng	0,10%
	Từ 03 tháng trở lên	Không tính phí
	<p>Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ chuyển đổi có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.</p> <p>Trường hợp có chương trình chuyển đổi khác (nếu có), Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin đầy đủ cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, Đại lý phân phối hoặc các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật.</p>	
Giá trị đăng ký giao dịch mua tối thiểu	1.000.000 (Một triệu) đồng	
Số lượng đăng ký giao dịch bán tối thiểu	05 (năm) CCQ	
Thời gian đóng sổ lệnh	14h45 (mười bốn giờ bốn mươi lăm phút) ngày T – 1. Trường hợp ngày T – 1 là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang 14h45 (mười bốn giờ bốn mươi lăm phút) của ngày làm việc gần nhất trước đó.	
Thời điểm công bố NAV	Ngày T + 3	
Thời hạn xác nhận giao dịch	Ngày T + 3	
Thời hạn thanh toán cho Nhà đầu tư	Tối đa ngày T + 5	
Phương thức giao dịch	Xem Điểm 2.4 Bản cáo bạch này	
Hủy lệnh giao dịch	<p>Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước 14h45 của ngày T – 1. Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh giao dịch của Nhà đầu tư sẽ được thực hiện trong các trường hợp:</p> <p>a. Lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh b. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ chưa có tại tài khoản của</p>	

	<p>Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trong ngày T – 1 (<i>giao dịch qua Đại lý phân phối</i>);</p> <p>c. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ không theo quy định tại điểm 9.2.4.2 – (b) tại Bản cáo bạch này;</p> <p>d. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được thấp hơn giá trị đã đăng ký tại lệnh mua và Đại lý phân phối không thực hiện các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy định của Đại lý chuyển nhượng;</p>
Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch	<i>Xem Điểm 9.2.4.7 Bản cáo bạch này</i>
Đại lý phân phối	Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 4 của Bản Cáo bạch này.

10.3.2 Chuyển nhượng phi thương mại

- Việc chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan;
- Nhà đầu tư chỉ thanh toán các chi phí và thuế phát sinh theo đúng quy định của pháp luật;
- Việc giao dịch, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện tương tự đối với trường hợp Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường

10.4 Công bố giá trị tài sản ròng và tình hình giao dịch

10.4.1 Phương pháp và thời điểm xác định giá trị tài sản ròng

Xem Khoản 9.2.2.5 của Bản cáo bạch này

10.4.2 Phương tiện và địa chỉ công bố giá trị tài sản ròng, kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất và số lượng Chứng chỉ Quỹ lưu hành hiện tại

Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố tại trang điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý phân phối theo quy định tại Phụ lục 4 của Bản Cáo bạch này.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Tình hình hoạt động của Quỹ sẽ được cập nhật và công bố cho Nhà đầu tư theo các nội

dung và quy định tại Phần XIII. Cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư, chế độ báo cáo tại Bản cáo bạch này.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

12.1 Công ty Quản lý Quỹ phải:

- a. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- b. Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.

12.2 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề Quản lý Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;

12.3 Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

13.1 Cung cấp tài liệu, thông tin cho Nhà đầu tư

13.1.1 Trong vòng tối đa 03 (ba) ngày kể từ ngày định giá (*không tính các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật*), sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố cho Nhà đầu tư trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

13.1.2 Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà đầu tư thống kê giao dịch, số dư trên tài khoản, tiểu khoản và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ. Đối với Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, Công ty Quản lý Quỹ gửi thống kê giao dịch, số dư trên tiểu khoản theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư. Thời hạn cung cấp thông tin không quá 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà đầu tư.

13.1.3 Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư:

- a. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
- b. Báo cáo tổng kết về hoạt động Quản lý Quỹ, bán niên và cả năm;
- c. Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và cả

năm;

d. Báo cáo về hoạt động của quỹ, bán niên và cả năm.

13.1.4 Các tài liệu quy định tại điểm 13.1.3 nêu trên được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Thời hạn công bố không muộn quá 30 (*ba mươi*) ngày, kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và không muộn quá 90 (*chín mươi*) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

13.1.5 Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

13.2 Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin

13.2.1 Công ty Quản lý Quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- a. Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ, định kỳ hàng tháng, bán niên và cả năm;
- b. Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ, bán niên và cả năm;
- c. Báo cáo về các giao dịch tài sản của quỹ;
- d. Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ, bán niên và hàng năm;

13.2.2 Báo cáo phải được gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử trong vòng 05 (*năm*) ngày kể từ ngày kết thúc tháng, trong vòng 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày kết thúc quý; trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và trong vòng 90 (*chín mươi*) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính của Quỹ.

13.2.3 Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải lưu trữ toàn bộ tài liệu chứng từ về hoạt động đầu tư của Quỹ theo quy định về tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, tổ chức kiểm toán, Ban Đại diện Quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin về hoạt động của Quỹ, thông tin về Nhà đầu tư, không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba, ngoại trừ theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3 928 9589 Fax: (84-4) 3 9289 590
- Website: <http://www.baoviet.com.vn/fund>

Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này

XV. CAM KẾT

Công ty Quản lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục 1. Biểu phí trả cho Dịch vụ ủy quyền
2. Phụ lục 2. Hướng dẫn thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ BVFED
3. Phụ lục 3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ
4. Phụ lục 4. Danh sách Đại lý phân phối và địa điểm giao dịch Chứng chỉ Quỹ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT



Đậu Minh Lâm

Phụ lục 1. Phí lưu ký giám sát và Phí trả cho dịch vụ ủy quyền

1. Ngân hàng Lưu ký Giám sát đồng thời được ủy quyền để cung cấp dịch vụ Quản trị quỹ và Đại lý chuyển nhượng

Phí Loại phí	Mức phí	
Phí Lưu ký	<ul style="list-style-type: none"> - 0,06%/năm tính trên giá trị tài sản ròng; - Phí giao dịch chứng khoán (RVP, DVP, RFP, DFP): VND150.000 một giao dịch 	
Phí Giám sát Quỹ	0,02%/năm tính trên giá trị tài sản ròng	
Phí Quản trị Quỹ	0,035%/năm tính trên giá trị tài sản ròng	
Phí tối thiểu cho dịch vụ Lưu ký, Giám sát và Quản trị quỹ không kể phí giao dịch chứng khoán VND 30.000.000/tháng		
Phí duy trì nhà đầu tư hàng năm	0,05% trên giá trị tài sản ròng một năm	
Thiết lập dữ liệu Nhà đầu tư	Tạo dữ liệu Nhà đầu tư	VND 15.000 / NĐT tạo mới
	Tạo dữ liệu Đại lý phân phối	VND 1.000.000 / Đại lý
Đăng ký Mua mới, Mua lại, Hoán đổi, Chuyển nhượng	0,03% trên Giá trị Giao dịch	
Phí tối thiểu cho dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho 3 phần việc trên là VND 20.000.000/tháng		
Các yêu cầu gửi thư số lượng lớn	VND100.000 mỗi Nhà đầu tư	
Phân phối cổ tức	<ul style="list-style-type: none"> • Giao dịch tiền: 0,03% trên giá trị cổ tức Nhà đầu tư nhận được • Tái đầu tư: VND 200.000 mỗi giao dịch cho mỗi Nhà đầu tư 	

Tổ chức cung cấp dịch vụ ủy quyền, Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam, với thông tin chi tiết được cung cấp trong Bản cáo bạch, Điều lệ Quỹ đi kèm

2. Các dịch vụ khác

Trả cho các đơn vị cung cấp dịch vụ khác trong quá trình hoạt động của Quỹ như Trung tâm lưu ký chứng khoán, phí giao dịch tài sản (nếu có).

Phụ lục 2. Hướng dẫn thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ BVFED

I. Mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- Nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ được mở tại các Đại lý phân phối được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
- Hồ sơ đăng ký mở Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ bao gồm:
 - Đối với Nhà đầu tư Cá nhân:
 - Giấy Đăng Ký Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ Mở (*Giấy đăng ký mở tài khoản*) - mẫu dành cho nhà đầu tư cá nhân;
 - Bản sao có công chứng CMND/hộ chiếu;
 - Đối với Nhà đầu tư Tổ chức:
 - Giấy Đăng Ký Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ Mở (*Giấy đăng ký mở tài khoản*) - mẫu dành cho nhà đầu tư tổ chức.
 - Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các bản điều chỉnh (*nếu có*).
 - Bản chính Giấy uỷ quyền chỉ định Người tham gia ký kết và giao dịch trên tài khoản tại Đại lý phân phối.
 - Các loại giấy tờ khác như bản sao có công chứng CMND/hộ chiếu của người được nhận uỷ quyền, người đại diện.
- Nhà đầu tư có thể lựa chọn giao dịch Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc giao dịch điện tử như sau:
 - Nhà đầu tư đăng ký sử dụng giao dịch điện tử (*tại Giấy đăng ký mở tài khoản hoặc Phiếu đăng ký giao dịch điện tử theo mẫu*) và ký vào thỏa thuận giao dịch điện tử do Đại lý phân phối cung cấp.
 - Sau khi hoàn thành các thủ tục như trên, Nhà đầu tư sẽ được cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập vào hệ thống giao dịch điện tử thông qua email đã đăng ký tại Giấy đăng ký mở tài khoản. Trình tự, thủ tục giao dịch điện tử được hướng dẫn chi tiết tại hệ thống giao dịch điện tử.

II. Thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

2.1 Đặt Lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

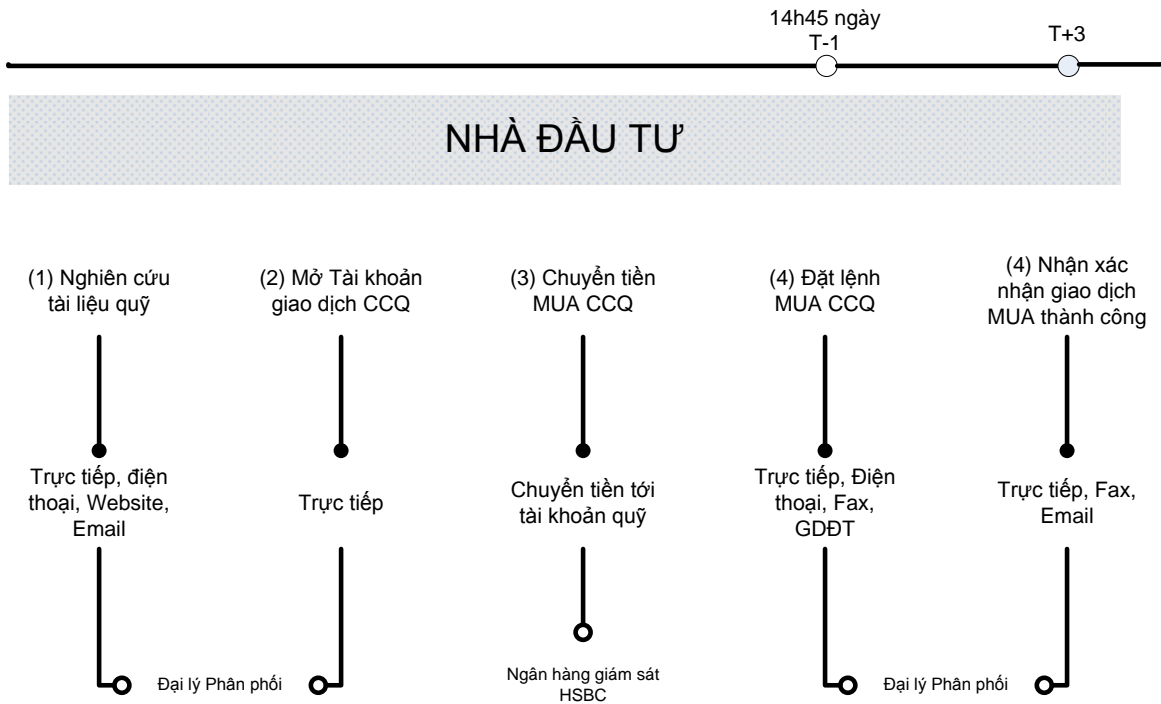
- Đối với lệnh MUA Chứng chỉ Quỹ
 - Nhà đầu tư chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:

- i.* Chuyển khoản từ tài khoản đứng tên Nhà đầu tư;
 - ii.* Trực tiếp chuyển tiền thông qua ngân hàng trung gian;
 - iii.* Chuyển khoản từ tài khoản của người hoặc tổ chức được chỉ định và đã đăng ký với Công ty Quản lý quỹ.
- Thông tin chi tiết về tài khoản tiền của Quý theo hướng dẫn của Đại lý phân phối mà nhà đầu tư thực hiện giao dịch. Nhà đầu tư cần đảm bảo tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển đến tài khoản của Quý trước thời điểm chốt sổ lệnh là 14h45 ngày T-1 (*Ngày T là Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ*).
 - Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ phải được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam.
 - Số tiền đăng ký tối thiểu là 1.000.000 VNĐ (*một triệu Việt Nam đồng*)
- Đối với lệnh BÁN Chứng chỉ Quỹ:
 - Nhà đầu tư cần đảm bảo có số dư Chứng chỉ Quỹ trong tài khoản.
 - Nhà đầu tư cần đảm bảo Lệnh đặt bán đáp ứng yêu cầu về số lượng Chứng chỉ Quỹ.

2.2 Tiếp nhận và kiểm tra lệnh giao dịch

- Đại lý Phân phối sẽ tiến hành kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của các thông tin ghi trên “*Phiếu Đăng Ký Mua / Bán Chứng chỉ Quỹ Mở*” mà Nhà đầu tư đã cung cấp hoặc lệnh đặt thông qua hệ thống giao dịch điện tử.

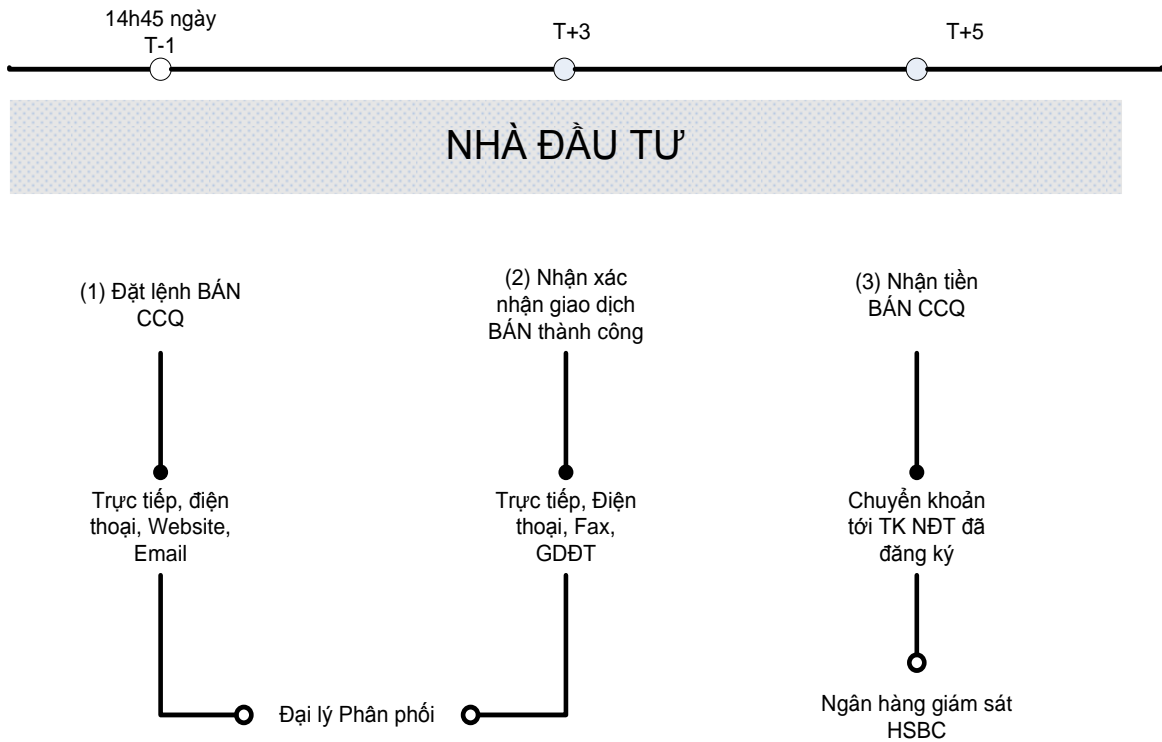
- Đối với Lệnh đặt MUA:



- Đại lý Phân phối sẽ đối chiếu với Ngân hàng giám sát số tiền Nhà đầu tư đăng ký mua đã được chuyển vào tài khoản của Quỹ trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Đại lý phân phối có thể yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ/thông tin cần thiết theo đúng quy định.
- Lệnh đặt Mua chỉ có hiệu lực khi Đại lý phân phối kiểm tra thông tin đăng ký mua của Nhà đầu tư là phù hợp theo quy định và xác nhận số tiền đã chuyển vào tài khoản Quỹ là chính xác và trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Trong trường hợp số tiền đã chuyển vào tài khoản Quỹ nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua, số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối sẽ căn cứ vào số tiền ghi trong Lệnh mua.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ mở rơi vào những trường hợp là giao dịch không hợp lệ được nêu trong Bán cáo bạch này thì giao dịch đăng ký mua không được thực hiện trong ngày giao dịch này. Số tiền đặt mua sẽ được tự động hoàn lại cho Nhà đầu tư trong vòng 5 ngày kể từ Ngày giao dịch.

- Đối với **Lệnh đặt BÁN**:

- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán tối thiểu là 05 (*năm*) Chứng chỉ Quỹ;



- Số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại sau giao dịch phải lớn hơn hoặc bằng số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu duy trì tài khoản là 05 (*năm*) Chứng chỉ Quỹ.
- Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại thấp hơn 05 (*năm*) Chứng chỉ Quỹ sau khi Lệnh đặt Bán được xác nhận giao dịch thành công thì toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ sẽ được tự động bán tại ngày giao dịch kế tiếp nếu Nhà đầu tư không có lệnh đặt mua mới và số tiền sẽ được chuyển tới Tài khoản của Nhà đầu tư trong vòng 05 ngày kể từ ngày giao dịch.
- Sau khi kiểm tra tính đầy đủ, chính xác đối với lệnh giao dịch của Nhà đầu tư, Đại lý phân phối sẽ tổng hợp và chuyển thông tin/chỉ thị điện tử tới Đại lý chuyển nhượng.

2.3 Xử lý lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- Sau khi nhận được các lệnh đặt mua/bán từ Nhà đầu tư thông qua Đại lý phân phối, Đại lý chuyển nhượng sẽ kiểm tra và thực hiện các giao dịch mà nhà đầu tư đã đăng ký.
- Giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ được tính căn cứ theo giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tại Ngày giao dịch (*Ngày T*).
- Đối với lệnh đặt MUA:
 - Số lượng Chứng chỉ Quỹ phân phối được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times (1 - \text{Phí phát hành}(\%))}{\text{NAV/CCQ tại ngày giao dịch}}$$

- Phí phát hành: 0,5% tổng giá trị tiền chuyển đặt mua
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống đến số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Đối với lệnh đặt BÁN:

- Số tiền bán Chứng chỉ Quỹ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị Bán được nhận} = \frac{\text{Số lượng CCQ được mua lại} \times \text{NAV/CCQ tại ngày giao dịch}}{1 - \text{Phí mua lại}(\%)}$$

- Phí mua lại: được xác định dựa vào thời gian nắm giữ như sau:
 - o Dưới 3 (ba) tháng: 0,5% (không phải năm phần trăm) giá trị giao dịch thành công;
 - o Từ 3 (ba) tháng trở lên: 0% (không phải năm phần trăm) giá trị giao dịch thành công;
 - o Trường hợp số lượng đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ sẽ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại sau khi bán sẽ được làm tròn xuống đến số hạng thứ 2 sau dấu phẩy.
- Lệnh Bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Bản cáo bạch.
- Trường hợp lệnh Bán của Nhà đầu tư chỉ được thực hiện một phần và phần lệnh chưa được thực hiện lớn hơn hoặc bằng số lượng CCQ tối thiểu để duy trì tài khoản (05 Chứng chỉ Quỹ), phần lệnh chưa thực hiện được sẽ tự động bị hủy. Nếu nhà đầu tư muốn thực hiện tiếp các lệnh bán của mình thì cần tiến hành đăng ký giao dịch tại ngày giao dịch kế tiếp.

2.4 Xác nhận giao dịch và nhận tiền bán Chứng chỉ Quỹ

- Đại lý chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau mỗi ngày giao dịch của Nhà đầu tư tại sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý phân phối để thông báo đến nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (T+3).
- Theo chỉ thị của BVF, Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện thanh toán tiền bán Chứng chỉ Quỹ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản Quỹ đến tài khoản của Nhà đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+5).

Phụ lục 3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ BVFED

1. NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA VIỆC ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- Định giá tài sản trên nguyên tắc định giá thị trường, phản ánh sát nhất với giá trị của các tài sản và khả năng thực hiện các giao dịch của Quỹ BVFED.
- Việc định giá phải đảm bảo được thực hiện theo các quy định, quy trình, nguyên tắc, phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, quy định tại Sổ tay định giá cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thị trường của Việt Nam;
- Việc thay đổi nguyên tắc, phương pháp định giá để phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam sẽ được BVF đề xuất để cấp có thẩm quyền theo Điều lệ Quỹ thông qua.

2. PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ

2.1 Đối với tiền gửi thanh toán tại ngân hàng: số dư trên tài khoản thanh toán, tài khoản phong tỏa tại ngày trước ngày định giá.

2.2 Đối với tiền gửi có kỳ hạn: giá trị định giá bằng vốn gốc đầu tư cộng với lãi dự thu theo hợp đồng tính đến ngày trước ngày định giá.

2.3 Đối với tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu: giá định giá bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày trước ngày định giá.

2.4 Đối với chứng khoán niêm yết:

2.4.1 Đối với cổ phiếu:

- Đối với cổ phiếu có giao dịch: lấy giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất của các cổ phiếu trước ngày định giá.
- Đối với cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn 02 (hai) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên lựa chọn giá trị thấp nhất giữa: giá vốn đầu tư, giá giao dịch gần nhất, giá trị sổ sách của tổ chức phát hành hoặc giá được xác định theo phương pháp định giá được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

2.4.2 Đối với Trái phiếu Chính phủ niêm yết:

- Nếu có giao dịch: lấy giá yết (*giá sạch*) trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi dự thu tính đến ngày trước ngày định giá.
- Trường hợp không có giá giao dịch nhiều hơn 02 (hai) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, giá Trái phiếu được lựa chọn cho từng loại trái phiếu như sau:

- Trái phiếu chính phủ có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng: áp dụng định giá theo phương pháp giá trị sổ sách, bằng giá trị đầu tư (giá sạch) cộng lãi coupon dự thu đến ngày trước ngày định giá.
 - Trái phiếu có thời hạn đáo hạn từ 12 tháng trở lên, định giá theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - Sử dụng lãi suất chiết khấu của trái phiếu có cùng kỳ hạn với kỳ hạn còn lại của trái phiếu được định giá được lấy từ đường cong lãi suất cung cấp bởi VBMA hoặc lãi suất giao dịch của trái phiếu có cùng kỳ hạn trên HNX (trong trường hợp lấy lãi suất được cung cấp bởi HNX, phải đảm bảo đó là giao dịch outright không phải giao dịch repo).
 - Trong trường hợp lãi suất được cung cấp bởi VBMA không có lãi suất của trái phiếu cùng kỳ hạn với kỳ hạn còn lại với trái phiếu của Quý, sử dụng phương pháp trọng số theo thời gian để xác định lãi suất chiết khấu trên đường cong lãi suất do VBMA cung cấp để làm lãi suất tham chiếu và thực hiện việc định giá.
 - Trong trường hợp thanh khoản thấp quá, định giá theo phương pháp giá trị sổ sách và bằng giá trị đầu tư (giá sạch) cộng lãi coupon dự thu tính đến ngày trước ngày định giá, hoặc giá được xác định theo phương pháp định giá khác được Ban Đại diện quỹ phê duyệt.
- 2.5 Đối với quyền mua cổ phiếu: Cơ sở xác định giá trị quyền bằng giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày có giao dịch gần nhất đến trước ngày định giá trừ đi giá phát hành nhân với tỷ lệ thực hiện quyền và số lượng quyền được hưởng. Trong trường hợp định giá quyền xác định là âm (-), giá sử dụng để định giá là 0 (không đồng).
- 2.6 Đối với cổ phiếu thưởng: Cơ sở xác định giá là giá đóng cửa của cổ phiếu niêm yết tính đến ngày trước ngày định giá.
- 2.7 Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: giá của cổ phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống một trong các mức giá sau:
- Giá trị sổ sách; hoặc
 - Mệnh giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp định giá khác được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ thông qua.
- 2.8 Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản: giá của cổ phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống một trong các mức giá sau:
- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc

- Giá xác định theo phương pháp định giá khác được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.
- 2.9 Các tài sản được phép đầu tư khác: Giá xác định theo phương pháp được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

3 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH NAV VÀ NAV/1CCQ

- $NAV = \text{Tổng tài sản có của quỹ} - \text{Tổng nợ phải trả của quỹ}$.
- $NAV/1CCQ = \text{Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá}$.

Ghi chú:

- Tổng tài sản nợ, có được xác định theo các nguyên tắc được quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Quỹ mở và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới ngày trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (*book value*):
 - o Đối với tài sản là trái phiếu: giá trị sổ sách là giá sạch (clean).
 - o Đối với tài sản là cổ phiếu: giá trị sổ sách của cổ phiếu trong danh mục là giá book value có báo cáo kiểm toán gần nhất của tổ chức phát hành (bao gồm cả báo cáo tài chính bán niên có xác nhận của kiểm toán).

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

STT	Đại lý Phân phối	Địa điểm phân phối
1	<p>Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt</p> <p>Website: http://www.baovietfund.com.vn/</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội; - Số điện thoại: (84-4) 3 928 9589
2	<p>Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt</p> <p>Website: http://www.bvsc.com.vn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng giao dịch hội sở: <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội; - Số điện thoại: (84-04) 3928 8080 - Phòng giao dịch Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh: <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh; - Số điện thoại: (84-8) 3 821 8564
3	<p>Công ty TNHH Chứng khoán ACB</p> <p>Website: http://www.acbs.com.vn/</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: <ul style="list-style-type: none"> - 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh; - Số điện thoại: (84-8) 3 823 4159